

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH GIA LAI

Số: 3969/CAT-PV01

V/v tham gia góp ý dự thảo Quyết định
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 12 tháng 11 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở và thực hiện Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh Gia Lai quy định Ban hành Danh mục quyết định của UBND tỉnh Gia Lai quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Công an tỉnh đã chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan và UBND các xã, phường xây dựng Dự thảo hồ sơ Quyết định của UBND nhân dân tỉnh quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Công an tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp tham gia góp ý hồ sơ dự thảo Quyết định và thực hiện đăng tải hồ sơ dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

1. Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đăng tải toàn văn hồ sơ dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến góp ý. **Thời hạn đăng tải: 10 ngày (bắt đầu từ ngày...13./11/2025)**. Kết quả góp ý đề nghị gửi về Công an tỉnh Gia Lai (qua phòng Tham mưu), số 01A Trần Phú, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Quyết định và gửi văn bản về Công an tỉnh **trước ngày 20/11/2025** để tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Rất mong sự quan tâm, phối hợp của quý cơ quan, đơn vị, địa phương.

(xin gửi kèm hồ sơ dự thảo Quyết định)./ *mal*

Nơi nhận:

- Như trên (để phối hợp);
- Đ/c Giám đốc CAT (thay báo cáo);
- Các Đ/c Phó Giám đốc CAT (phối hợp, chỉ đạo);
- Lưu: VT, PV01(Đ8, Đ6).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



mal
Đại tá Ngô Cự Vinh

Số: /TTr-CAT-PV01

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Quyết định quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự
cần thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự
ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Công an tỉnh kính trình UBND tỉnh Dự thảo Quyết định quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Khoản 1, Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 28. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

- Khoản 4 Điều 14 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định:

“Điều 14. Bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý đến từng đơn vị hành chính cấp xã.”

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Tình hình liên quan thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Theo quy định tại khoản 12 Điều 1¹ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Sau khi sáp nhập tỉnh Gia Lai có 2.693 thôn, tổ dân phố; trong đó có 2.066 thôn/110 xã và 627 tổ dân phố/25 phường. Quy mô hộ gia đình trung bình ở thôn, tổ dân phố là 321 hộ; thôn có quy mô hộ gia đình nhỏ nhất là 20 hộ (làng Phung, xã Ia Le). Thôn, Tổ dân phố có quy mô hộ gia đình lớn nhất là 2.374 hộ (tổ dân phố 1, phường Quy Nhơn Đông).

¹ 12. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai. Sau khi sắp xếp, tỉnh Gia Lai có diện tích tự nhiên là 21.576,53 km², quy mô dân số là 3.583.693 người. Tỉnh Gia Lai giáp tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Quảng Ngãi, Vương quốc Campuchia và Biển Đông.

- Bám sát dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ ANTT; căn cứ quy mô hộ gia đình của thôn, tổ dân phố trên địa bàn và căn cứ vào số lượng thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở hiện có. Để bảo đảm không tăng số lượng thành viên Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Công an tỉnh đã nghiên cứu các quy định của pháp luật liên quan tiêu chí thành lập thôn, tổ dân phố; đặc điểm địa lý của thôn, tổ dân phố và dữ liệu quy hộ gia đình trên địa bàn, phân loại thành 3 nhóm sau: (1) thôn thuộc xã nội địa, xã ven biển; (2) thôn thuộc xã biên giới, xã đảo; (3) tổ dân phố thuộc phường. Đồng thời lần lượt chia số thôn, tổ dân phố thuộc 3 nhóm trên theo quy mô hộ gia đình như sau:

+ *Đối với thôn thuộc xã nội địa, xã ven biển*: có 1.499 thôn có từ 350 hộ gia đình trở xuống; 326 thôn có từ 350 hộ gia đình đến 500 hộ gia đình; 171 thôn có từ 500 hộ gia đình đến 1.000 hộ gia đình và có 18 thôn có trên 1.000 hộ gia đình.

+ *Đối với thôn thuộc xã biên giới, xã đảo*: có 23 thôn có từ 200 hộ gia đình trở xuống; có 20 thôn có từ 200 hộ gia đình đến 350 hộ gia đình; có 9 thôn có từ 350 hộ gia đình đến 700 hộ gia đình;

+ *Tổ dân phố thuộc phường*: có 428 tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở xuống; có 125 tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình đến 700 hộ gia đình; có 70 tổ dân phố có từ 700 hộ gia đình đến 1.400 hộ gia đình; có 4 thôn có trên 1.400 hộ gia đình.

2.2. *Tình hình liên quan tổ chức, Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở*

- Trước khi sáp nhập, tỉnh Gia Lai (cũ) và tỉnh Bình Định đã ban hành tổng cộng 03 Quyết định quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố để áp dụng điều chỉnh tổ chức, Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn, cụ thể:

+ Về tiêu chí thành lập tổ bảo vệ an ninh, trật tự cả tỉnh Gia Lai và tỉnh Bình Định đều lấy thôn, tổ dân phố làm tiêu chí thành lập tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

+ Về số lượng thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

Tỉnh Gia Lai (cũ) đã ban hành Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Theo đó, trên địa bàn tỉnh Gia Lai có 1.577 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tương ứng với 1.577 thôn, tổ dân phố với tổng cộng 5.428 thành viên (trong đó có 880 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, mỗi Tổ bố trí 03 thành viên và 697 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, mỗi Tổ bố trí 04 thành viên. Về tổ chức, mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó và các tổ viên.

Tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 về số lượng tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Bình Định về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 về số lượng tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng

thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định. Theo đó, toàn tỉnh thành lập 1.116 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự với 3.946 thành viên. Về tổ chức, mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó và các tổ viên.

- Sau khi sáp nhập tỉnh, địa giới hành chính thôn, tổ dân phố không có sự thay đổi và toàn tỉnh có 2.693 thôn, tổ dân phố; Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở các tổ không có sự biến đổi. Tuy nhiên, tiêu chí bố trí số lượng thành viên tổ bảo vệ ANTT không có sự thống nhất, đồng bộ, cụ thể như: ở Bình Định quy định Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn có dưới 350 hộ gia đình được bố trí mỗi tổ 3 thành viên; ở Gia Lai quy định Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn có dưới 200 hộ gia đình mỗi tổ bố trí 3 thành viên...

Từ thực tế trên, việc ban hành Quyết định quy phạm pháp luật thống nhất quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai là cần thiết, phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tiễn. Đồng thời, tạo thuận lợi trong việc quản lý nhà nước về an ninh, trật tự và thực hiện các chế độ, chính sách.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Quyết định

- Cụ thể hóa các quy định của pháp luật thống nhất quy định tổ chức, lực lượng đối với Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Tạo cơ sở pháp lý để cấp ủy, chính quyền các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai xây dựng, kiện toàn lực lượng, bảo đảm các chế độ, chính sách nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tại các thôn, tổ dân phố.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định

- Chấp hành đúng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

- Bảo đảm thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn thể cán bộ, đảng viên, quần chúng Nhân dân trên địa bàn triển khai thực hiện hiệu quả Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, không chồng chéo, không mâu thuẫn, không xung đột với các văn bản pháp luật khác; phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương, khả thi, thuận lợi trong việc thi hành; kế thừa có chọn lọc các Quy phạm pháp luật có liên quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh Gia Lai đang áp dụng.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Công văn số 551/STP-NV1 ngày 20/8/2025 của Sở Tư pháp về việc lập danh mục văn bản quy định chi tiết

điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Công an tỉnh đã chỉ đạo, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên lĩnh vực phụ trách và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy trình, thủ tục tham mưu, xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

Bước 1. Đề nghị xây dựng Quyết định

Công an tỉnh đã phối hợp Sở Tư pháp tổ chức rà soát, đề xuất hướng xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan Công an tỉnh chủ trì tham mưu. Trên cơ sở đó, Công an tỉnh có Công văn số 2333/CAT-PV01 ngày 12/9/2025 lập danh mục văn bản quy phạm pháp luật. Ngày 24/9/2025 Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định số 1917/QĐ-UBND Ban hành Danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; theo đó UBND tỉnh giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành **“Quyết định quy định số lượng tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập, số lượng thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai”**.

Bước 2. Tổ chức soạn thảo dự thảo Quyết định:

Công an tỉnh đã chủ động ban hành Kế hoạch số 2568/KH-CAT-PV01 ngày 19/9/2025 về việc nắm tình hình phục vụ tham mưu, triển khai Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh; căn cứ kết quả nắm tình hình thực tế địa bàn, Công an tỉnh đã chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường tiến hành nghiên cứu, vận dụng các quy định của pháp luật hiện hành, nhiệm vụ được giao tại Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan soạn thảo Quyết định bảo đảm phù hợp, có giá trị áp dụng lâu dài và bảo đảm không xung đột với các quy định của pháp luật hiện hành.

Bước 3. Lấy ý kiến đối với dự thảo Quyết định

Ngày....., Công an tỉnh có Công văn số/CAT-PV01 gửi lấy ý kiến của Ủy ban MTTQ tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND các xã, phường; đồng thời, đề nghị đăng tải toàn văn hồ sơ dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai và Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh trong thời gian 10 ngày tại địa chỉ <http://.....>

Bước 4. Gửi thẩm định dự thảo Quyết định

Sau khi tổ chức lấy ý kiến, Công an tỉnh đã tổng hợp, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quyết định và tập hợp đầy đủ hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định. Ngày..... Sở Tư pháp có Công văn số/STP-NV1 về việc thẩm định dự thảo Quyết định quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai kết luận đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Bước 5. Trình hồ sơ dự thảo Quyết định

Công an tỉnh tổng hợp, hệ thống toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục

Quyết định gồm 04 điều sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập

Điều 3. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố

Điều 4. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định

a) Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập (Điều 2)

Thành lập 2.693 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tương ứng với 2.693 thôn, tổ dân phố.

b) Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự (Điều 3)

1. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 1.950 thôn, tổ dân phố tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này, mỗi Tổ bố trí 03 thành viên, gồm có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 01 Tổ viên.

2. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 471 thôn, tổ dân phố tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này, mỗi Tổ được bố trí 04 thành viên, gồm có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 02 Tổ viên.

3. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 250 thôn, tổ dân phố tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này, mỗi Tổ được bố trí 05 thành viên, gồm có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 03 Tổ viên.

4. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 22 thôn, tổ dân phố tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này, mỗi Tổ được bố trí 06 thành viên, gồm có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 04 Tổ viên.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Về nhân lực

Tiếp tục kiện toàn, công nhận, sử dụng Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở hiện tại và tuyển chọn mới công dân bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 13 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

2. Điều kiện bảo đảm thực hiện

- Địa điểm, nơi làm việc: Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm bố trí theo quy định tại Điều 20, Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở.

- Trang bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ: Công an tỉnh có trách nhiệm tham mưu, trang cấp theo quy định tại Điều 21 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở và Điều 8 Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22/4/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở.

- Về chế độ, chính sách, bảo đảm điều kiện hoạt động: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí thành lập tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự và một số chế độ, chính sách đối với Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Công an tỉnh xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định

(xin gửi kèm theo: dự thảo Quyết định; tờ trình dự thảo quyết định; bản thuyết minh dự thảo quyết định; bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo quyết định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc CAT (thay báo cáo);
- Các đ/c Phó Giám đốc CAT;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, PV01(Đ8).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại tá Ngô Cự Vinh

Số: /2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 1

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập
và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn,
tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28
tháng 11 năm 2023;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm
2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định tiêu chí thành lập tổ bảo vệ
an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự và một
số chế độ, chính sách đối với Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở
trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số /TTr-CAT-
PV01 ngày/12/2025;*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định Quy định số lượng Tổ bảo vệ an
ninh, trật tự cần thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại
thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập
và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn
tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

- Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.
- Thôn, làng, bôn, buôn, plơi, plei,... (sau đây gọi là thôn); tổ dân phố,
khu phố, khối phố,... (sau đây gọi là tổ dân phố).
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập

Thành lập 2.693 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tương ứng với 2.693 thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 1.950 thôn, tổ dân phố tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này, mỗi Tổ bố trí 03 thành viên, gồm có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 01 Tổ viên.

2. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 471 thôn, tổ dân phố tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này, mỗi Tổ được bố trí 04 thành viên, gồm có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 02 Tổ viên.

3. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 250 thôn, tổ dân phố tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này, mỗi Tổ được bố trí 05 thành viên, gồm có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 03 Tổ viên.

4. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 22 thôn, tổ dân phố tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này, mỗi Tổ được bố trí 06 thành viên, gồm có 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 04 Tổ viên.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày Tháng..... năm 2025.

2. Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 về số lượng tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Bình Định về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 về số lượng tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Cục Pháp chế và Cải cách hành chính, Tư pháp - Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CAT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Anh Tuấn

Phụ lục
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2025/QĐ-UBND
ngày... tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phụ lục I

**TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐƯỢC BỐ TRÍ
03 THÀNH VIÊN GỒM 01 TỔ TRƯỞNG, 01 TỔ PHÓ VÀ 01 TỔ VIÊN**

STT	Tên xã, phường	Tên thôn, tổ dân phố
1	Xã Ya Ma	Thôn 1
2		Thôn 2
3		Thôn Hinh Dong
4		Thôn Hinh Đăk
5		Thôn Bà Bã
6		Thôn Húp
7		Thôn Hra
8		Thôn Kpiêu Kông
9		Thôn Đăk Hway
10		Thôn Brăng
11		Thôn Hơn
12		Thôn Tnúng 1
13		Thôn Tnúng-Măng
14	Xã Ya Hội	Thôn An Phong
15		Thôn An Phú
16		Thôn An Quý
17		Thôn Đêchogang
18		Thôn mông
19		Thôn Brang Đak Kliết
20		Thôn Bung Tờ số
21		Thôn Groi
22	Xã Xuân An	Thôn Chánh Hòa
23		Thôn Chánh Lạc
24		Thôn Chánh Lý
25		Thôn Đại Ân
26		Thôn Đại Lợi
27		Thôn Đại Hào
28		Thôn Đại Hữu
29		Thôn An Nông
30		Thôn Trung Bình
31	Xã Vĩnh Thịnh	Thôn Thanh Quang
32		Thôn Hà Ri
33		Thôn Vĩnh Phúc
34		Thôn Vĩnh Thọ
35		Thôn Tà Lét
36		Thôn Vĩnh Khương
37		Thôn Vĩnh Cửu
38		Thôn An Nội
39		Thôn An Ngoại

40	Xã Vĩnh Thịnh	Thôn Vĩnh Định
41		Thôn Vĩnh Thái
42		Thôn Vĩnh Trường
43		Thôn Vĩnh Hòa
44		Thôn Vĩnh Bình
45		Thôn M2
46		Thôn M3
47	Xã Vĩnh Sơn	Thôn Kông Trú
48		Thôn Thôn 2
49		Thôn Thôn 3
50		Thôn Đăk Tra
51		Thôn Thôn 5
52		Thôn K6
53		Thôn K2
54		Thôn K3
55		Thôn K4
56		Thôn K8
57		Thôn Suối Đá
58		Thôn Suối Cát
59	Xã Vĩnh Quang	Thôn Định Trường
60		Thôn Định Thái
61		Thôn Định Trung
62		Thôn M6
63		Thôn M7
64		Thôn M8
65		Thôn M9
66		Thôn M10
67		Thôn Tiên An
68		Thôn Tiên Hòa
69		Thôn 1
70		Thôn 2
71		Thôn 3
72		Thôn 4
73		Thôn 5
74		Thôn 6
75		Thôn 7
76		Thôn 8
77		Thôn Định An
78		Thôn Định Tân
79		Thôn Klotpok
80		Thôn Kon Kring
81		Thôn Định Nhất
82		Thôn Định Tam
83		Thôn Định Trị
84		Thôn Tà Diệt
85	Xã Vạn Đức	Thôn An Thường 1
86		Thôn 1
87		Thôn 2

88	Xã Vân Canh	Thôn 2
89		Thôn 3
90		Thôn Canh Tân
91		Thôn Đắc Đâm
92		Thôn Hiệp Giao
93		Thôn Hiệp Hà
94		Thôn Hiệp Hội
95		Thôn Suối Mây
96		Thôn Tân Thuận
97		Thôn Thịnh văn 2
98		Thôn Cà Te
99		Thôn Hà Văn Trên
100		Thôn Cà Bưng
101		Thôn Hà Văn Dưới
102		Thôn Hà Lũy
103		Thôn Kinh Tế
104		Thôn Hòn Mẻ
105		Thôn Cà Xim
106		Thôn Canh Thành
107		Thôn Canh Lãnh
108		Thôn Canh Phước
109		Thôn Canh Giao
110	Xã Uar	Thôn Hưng Phú
111		Thôn Quỳnh Phú
112		Thôn Toát
113		Thôn Nung
114		Thôn Ia Jip
115		Thôn Chư Krih
116		Thôn Tiang
117		Thôn An Bình
118		Thôn Thanh Bình
119		Thôn Choanh
120		Thôn Ngól
121	Xã Tuy Phước Đông	Thôn Huỳnh Giản Bắc
122		Thôn Huỳnh Giản Nam
123		Thôn Kim Đông
124		Thôn Kim Xuyên
125		Thôn Tân Mỹ
126		Thôn Lộc Trung
127		Thôn An Lợi
128		Thôn Dương Thành
129		Thôn Đông Điền
130		Thôn Khuông Bình
131		Thôn Lương Bình
132		Thôn Phở Đồng
133		Thôn Thanh Quang
134	Xã Tuy Phước Bắc	Thôn Biểu Chánh
135		Thôn Lương Lộc

136	Xã Tuy Phước Bắc	Thôn Tân Hội
137		Thôn An Hòa
138		Thôn Lương Quang
139		Thôn Phục Thiện
140		Thôn Quảng Điền
141		Thôn Tân Điền
142	Xã Tuy Phước	Thôn Bình Thái
143		Thôn Vinh Thạnh 2
144		Thôn Quang Hy
145		Thôn Phong Tấn
146		Thôn Thạnh Thế
147	Xã Tơ Tung	Thôn Đak Pơ Kao
148		Thôn Đồng Tâm
149		Thôn Đầm Khơng
150		Thôn Cao Sơn
151		Thôn Klếch
152		Thôn Nam Cao
153		Thôn Trường Sơn
154		Thôn Sơ Tơ
155		Thôn Kuk Tung
156		Thôn Leng
157		Thôn Hbang
158		Thôn Kdâu
159		Thôn Bờ - Chư Pâu
160		Thôn Mohven - Ôr
161		Thôn Mohra - Đáp
162		Thôn Mơ Tôn
163		Thôn Dong
164		Thôn Pơ Ngăi
165		Thôn Kgiang
166	Xã Tây Sơn	Thôn 4
167		Thôn Đồng Sim
168	Xã SRó	Thôn Nhang lớn
169		Thôn Htiên
170		Thôn Tkát
171		Thôn Hrách
172		Thôn 1
173		Thôn 2
174		Thôn 3
175		Thôn Quel
176		Thôn Sơ Ró
177		Thôn Bơ ya
178		Thôn Pting
179		Thôn Kướk
180	Xã Sơn Lang	Thôn Lưới
181		Thôn Tơ kơr
182		Thôn Hà Nùng
183		Thôn Srát

184	Xã Sơn Lang	Thôn ĐakAsel
185		Thôn ĐakTnglong
186		Thôn Hà Lâm
187		Thôn Điện Biên
188		Thôn 1
189		Thôn 3
190		Thôn 4
191		Thôn 5
192		Thôn Trạm Lập
193		Thôn Thống Nhất
194		Thôn Hợp Thành
195	Xã Pờ Tó	Thôn Bình Hòa
196		Thôn Bình Tây
197		Thôn Thônđu
198		Thôn Đoàn Kết
199		Thôn 2
200		Thôn 3
201		Thôn 5
202		Thôn Bì Giông
203		Thôn Bì Gia
204	Xã Phú Túc	Thôn 1
205		Thôn 2
206		Thôn 3
207		Thôn 7
208		Thôn 8
209		Thôn Bluk
210		Thôn Mlah
211		Thôn Tang
212		Thôn Thim
213		Thôn Hưng Hà
214		Thôn Blang
215		Thôn Chư Ung
216		Thôn Djrét
217		Thôn H' Muk
218		Thôn Sai
219		Thôn Thống Nhất
220		Thôn Dù
221		Thôn Prong
222		Thôn Tân Tuk
223		Thôn Ia Rpuia
224		Thôn Ma Giai
225	Xã Phú Thiện	Thôn 9
226		Thôn 11
227		Thôn 13
228		Thôn Thôn Kmek
229		Thôn Mơ Nai Trang
230		Thôn Ia Kơ Al
231		Thôn Chung

232	Xã Phú Thiện	Thôn Gok
233		Thôn Kế Tân
234		Thôn Amil
235		Thôn Tel A
236		Thôn Tel B
237		Thôn Ia Jut
238		Thôn Ia Peng
239		Thôn Ia Ptau
240		Thôn Thắng Lợi 1
241		Thôn Thắng Lợi 2
242		Thôn Thắng Lợi 3
243		Thôn Ktê Nhỏ
244		Thôn Ktê Lớn A
245		Thôn Ktê Lớn B
246		Thôn Kram
247		Thôn Sô Ma Long
248		Thôn Đoàn Kết
249		Thôn Thôn Kual
250	Xã Phù Mỹ Tây	Thôn An Lạc 1
251		Thôn Phú Thiện
252		Thôn Gia Vần
253		Thôn Hội Khánh
254		Thôn Chánh Thuận
255		Thôn Trung Bình
256		Thôn Trinh Văn Nam
257		Thôn Trinh Văn Bắc
258		Thôn Lạc Sơn
259		Thôn Trực Đạo
260	Xã Phù Mỹ Nam	Thôn Hữu Lộc
261		Thôn Vạn Phước Tây
262		Thôn Vạn Phước Đông
263		Thôn Đại Thạnh
264		Thôn Thạnh An
265		Thôn Đại Sơn
266		Thôn Bình Tân Đông
267		Thôn Bình Tân Tây
268		Thôn Trà Bình Tây
269		Thôn Hòa Nghĩa
270		Thôn Tú Dương
271		Thôn Vạn Lộc
272		Thôn Vạn Ninh 1
273		Thôn Vạn Ninh 2
274		Thôn Vĩnh Phú 3
275		Thôn Vĩnh Phú 7
276		Thôn Vĩnh Phú 8
277		Thôn Mỹ Hội 1
278		Thôn Mỹ Hội 2
279		Thôn Mỹ Hội 3

280	Xã Phù Mỹ Nam	Thôn Kiên Phú
281		Thôn Vĩnh Nhơn
282		Thôn Vĩnh Lý
283		Thôn Vạn Thái
284	Xã Phù Mỹ Đông	Thôn 8 Đông
285		Thôn 7 Nam
286		Thôn 7 Bắc
287		Thôn Chánh Giáo
288		Thôn Hòa Ninh
289		Thôn Xuân Phương
290		Thôn Tân Thành
291		Thôn Đại Lương
292		Thôn Chánh Tường
293		Thôn Chánh Đạo
294		Thôn Chánh Trạch 1
295		Thôn Chánh Trạch 2
296		Thôn Chánh Trạch 3
297		Thôn Thuận An
298	Xã Phù Mỹ Bắc	Thôn Vạn Thiết
299		Thôn Vạn Thiện
300		Thôn Vạn Lương
301		Thôn Lộc Thái
302		Thôn Trà Thung
303		Thôn Châu Trúc
304		Thôn Quang Nghiễm
305		Thôn Mỹ Trang
306		Thôn An Giang Đông
307		Thôn An Giang Tây
308		Thôn Phú Hà
309		Thôn Phú Hoà
310		Thôn An Bảo
311		Thôn An Tường
312		Thôn Cửu Thành
313		Thôn Tân Lộc
314		Thôn Tân Ốc
315		Thôn Nghĩa Lộc
316	Xã Phù Mỹ	Thôn Vĩnh Thuận
317		Thôn Trà Quang Bắc
318		Thôn Phú Thiện
319		Thôn Tường An
320		Thôn Tân An
321		Thôn Trung Thành 2
322		Thôn Trung Thành 3
323		Thôn Trung Thành 4
324		Thôn Trung Thứ
325		Thôn Trung Tường
326		Thôn Trung Hậu
327		Thôn Trung Bình

328	Xã Phù Mỹ	Thôn Trung Thuận
329		Thôn Trung Hiệp
330	Xã Phù Cát	Thôn An Hòa
331		Thôn An Phú
332		Thôn An Kiều
333		Thôn An Bình
334		Thôn Hữu Hạnh
335	Xã Nhơn Châu	Thôn Trung
336		Thôn Đông
337	Xã Ngô Mỹ	Thôn Mỹ Thuận
338		Thôn Hội Lộc
339		Thôn Hưng Mỹ 2
340		Thôn Mỹ Bình
341		Thôn Hưng Trị
342		Thôn Chánh Hữu
343		Thôn Vân Triêm
344	Xã Mang Yang	Thôn Châu Khê
345		Thôn Châu Thành
346		Thôn Châu Sơn
347		Thôn Mỹ Yang
348		Thôn Đăk Yă
349		Thôn Đăk Trôk
350		Thôn Thông Hiot
351		Thôn 2
352		Thôn 5
353		Thôn Đê Hrel
354		Thôn Đê Ktu
355		Thôn Brêp
356		Thôn Đê Tur
357		Thôn Hà Ra
358		Thôn Đê Gơl
359		Thôn Đê Rơn
360		Thôn Linh Nham
361		Thôn Hrak
362	Xã Lơ Pang	Thôn Hlim
363		Thôn ALao
364		Thôn Đăk Drah - Tơ Drăh
365		Thôn Chup
366		Thôn Pyâu
367		Thôn Roh
368		Thôn Blên
369		Thôn Groi
370		Thôn Dơ Nâu
371		Thôn Pơ Nang
372		Thôn Đăk Trang
373		Thôn Ar Quát
374		Thôn Ar Tơ Măn
375		Thôn Ar Dôch Kơ Tu

376	Xã Lơ Pang	Thôn Ar Tró
377		Thôn Ar Bờ Tók
378		Thôn Ar Dết
379		Thôn Đăk Pơ Nan
380		Thôn Đôn Hyang
381	Xã Krong	Thôn Sơ Lam
382		Thôn Hro
383		Thôn Sing
384		Thôn Tăng Lăng
385		Thôn Đăk Bok
386		Thôn Pngăl
387		Thôn Kléch
388		Thôn Klư
389		Thôn Vir
390		Thôn Tung Gút
391	Xã Kông Chro	Thôn 9
392		Thôn 10
393		Thôn Ktỏh
394		Thôn Dong
395		Thôn Hle Hlang
396		Thôn Tnang
397		Thôn Hlang
398		Thôn Tpông
399		Thôn Rong Tnia
400		Thôn Yama – Hòa Bình
401		Thôn Glung
402		Thôn Vơn
403	Xã Kông Bờ La	Thôn 1
404		Thôn 2
405		Thôn 3
406		Thôn 4
407		Thôn 5
408		Thôn 6
409		Thôn 7
410		Thôn Nghĩa An 2
411		Thôn 10
412		Thôn 11
413		Thôn 13
414		Thôn 14
415		Thôn 15
416		Thôn 16
417		Thôn Lọt
418		Thôn Briêng
419		Thôn Bình An
420		Thôn Lợk
421	Xã Kon Gang	Thôn 2 (Nam Yang)
422		Thôn 1 (Đak Krong)
423		Thôn 3 (Đak Krong)

424	Xã Kon Gang	Thôn 4 (Đak Krong)
425		Thôn 5 (Đak Krong)
426		Thôn Đe Hoach
427		Thôn Đe Thung
428		Thôn Đe Klanh
429		Thôn Đak Mong
430		Thôn Kop
431		Thôn Ktu
432		Thôn Klot
433		Thôn Krai
434		Thôn Dung Rơ
435		Thôn Tam Điệp
436		Thôn Krun
437		Thôn Kdap
438		Thôn Bình Giang
439	Xã Kon Chiêng	Thôn Đak Bơt
440		Thôn Đak Bết
441		Thôn Tơ Bla
442		Thôn Đăk Ó
443		Thôn Gít
444		Thôn Ktu
445		Thôn Deng
446		Thôn Klăh
447		Thôn Toak
448		Thôn Thương
449		Thôn Tar
450	Xã Kim Sơn	Thôn T1
451		Thôn T2
452		Thôn T4
453		Thôn T5
454		Thôn T6
455		Thôn Hương Quang
456		Thôn Nghĩa Nhơn
457		Thôn Bình Sơn
458		Thôn Nghĩa Điền
459	Xã KDang	Thôn Cây Điệp
460		Thôn Aluk
461		Thôn Hnap
462		Thôn K tăng
463		Thôn Rkhương-Tleo
464		Thôn M rah
465		Thôn Bla-Trek
466		Thôn Hlang
467		Thôn Sol Trang
468		Thôn Thung
469		Thôn Rong
470		Thôn Kô
471		Thôn Tân Tiến

472	Xã KDang	Thôn Tân Lập
473		Thôn B Lưng
474	Xã Kbang	Thôn Chiêng
475		Thôn Chọc
476		Thôn Chre
477		Thôn Đăk Kjong
478		Thôn Hợp
479		Thôn Htăng
480		Thôn Groi
481		Thôn KThông
482		Thôn Krối
483		Thôn Lọc
484		Thôn LoVi
485		Thôn Nak
486		Thôn Tăng
487		Thôn Thôn
488		Thôn 1
489		Thôn 3
490		Thôn 4
491		Thôn 8
492		Thôn 11
493		Thôn 13
494		Thôn 14
495		Thôn ĐakSmar
496		Thôn 16
497		Thôn 15
498	Xã Ia Tul	Thôn H'Bel
499		Thôn Toan
500		Thôn Kdăm
501		Thôn Dlai Bàu
502		Thôn Apa O'i H'Briu
503		Thôn Apa H'Lăk
504		Thôn Apa Lim
505		Thôn Apa Ama Đá
506		Thôn Apa O'i H'Trông
507		Thôn Tơ Khế
508		Thôn Biah A
509		Thôn Biah B
510		Thôn Ia Rniu
511		Thôn Broãi
512		Thôn Tul
513	Xã Ia Tôr	Thôn Ó Kly
514		Thôn Nêh Xo
515		Thôn Blu
516		Thôn Hle Ngol
517		Thôn Nhơn Hà
518		Thôn 4
519		Thôn 1

520	Xã Ia Tôr	Thôn Đoàn Kết
521		Thôn Bang Ngol
522		Thôn Tor Bang
523		Thôn Anh
524		Thôn Mút Thong
525		Thôn Nét
526		Thôn Cát Tân
527		Thôn Phú Tân
528		Thôn Phú Mỹ
529		Thôn Klăh-Băng
530		Thôn Bạk-Kuao
531		Thôn Phun Thanh
532	Xã Ia Sao	Thôn Quyết Thắng
533		Thôn Đức Lập
534		Thôn Phu Ama Miong
535		Thôn Phu Ama Nher 1
536		Thôn Phu Ama Nher 2
537		Thôn Jư Ama Nai
538		Thôn Khăn
539		Thôn H' Liép
540		Thôn Hoang 1
541		Thôn Hoang 2
542	Xã Ia Rsai	Thôn Chư Bang
543		Thôn Tập đoàn 4+5
544		Thôn Đông Thuở
545		Thôn Katô
546		Thôn Mới
547		Thôn Sông Ba
548		Thôn Du
549		Thôn Enan
550		Thôn Quỳnh Phụ
551		Thôn Pan
552		Thôn Ekia
553		Thôn Puh Chik
554		Thôn Chư Jú
555		Thôn Chư Tê
556	Xã Ia Rbol	Thôn Hoai
557		Thôn Hiao
558		Thôn Bir
559		Thôn Chư Băh A
560		Thôn Chư Băh B
561		Thôn Sar
562		Thôn Hoanh
563		Thôn Rung Ma Nin
564		Thôn Rung Ma Đoan
565		Thôn Rung Ma Rai
566		Thôn Rung Ma Nhiu
567		Thôn Krăi

568		Thôn Brang
569	Xã Ia Púch	Thôn Bih
570		Thôn Chư Kó
571		Thôn Ba
572	Xã Ia Pnôn	Thôn Triêl
573		Thôn Doách
574		Thôn Anéh
575		Thôn 4
576		Thôn Siu
577		Thôn Ó
578		Thôn Hlang Ngol
579		Thôn Đồng Hải
580		Thôn Tân Thủy (Ia Vê)
581		Thôn O Ngol
582		Thôn Phù Cát
583		Thôn Cát Mỹ
584		Thôn Xom Pôt
585		Thôn Hát
586		Thôn Lũ
587		Thôn Hle
588		Thôn Ngó
589		Thôn Bình Nguyên
590		Thôn Tân Lập
591		Thôn Tân Thủy (Ia Ga)
592		Thôn Thống Nhất
593		Thôn Tu 2
594		Thôn Khôi
595		Thôn Đồng Tâm
596	Xã Ia Pia	Thôn Quý Đức
597		Thôn Quý Tân
598		Thôn Thăm
599		Thôn Tông Se
600		Thôn Rngôl
601		Thôn Trôk
602		Thôn Kơ Nia
603		Thôn Ama San
604		Thôn Sô Bahleng
605		Thôn Ama Rìn 1
606		Thôn Ama Rìn 3
607		Thôn Hlil 1
608		Thôn Hlil 2
609		Thôn Mơ Năng 2
610		Thôn 1
611		Thôn 2
612		Thôn Đồng Sơn
613	Xã Ia O	Thôn Mít Kom I
614		Thôn O
615	Xã Ia Nan	Thôn Ia Đào

616	Xã Ia Nan	Thôn Ia Kle
617		Thôn Ia Boong
618	Xã Ia Mơ	Thôn Krông
619		Thôn Hnáp
620		Thôn Khôn
621		Thôn Rìng
622		Thôn Khôi
623	Xã Ia Ly	Thôn 3
624		Thôn Mun
625		Thôn Vân
626		Thôn Bloi
627		Thôn Yăh
628		Thôn Phung
629		Thôn Al
630		Thôn A Mông
631		Thôn Kép 1
632		Thôn Kép 2
633		Thôn Ia Lôk
634		Thôn Díp
635		Thôn Dôch 1
636		Thôn Dôch 2
637	Xã Ia Le	Thôn Phú Hòa
638		Thôn 6
639		Thôn Ia Jol
640		Thôn Ia Brel
641		Thôn Kênh Săn
642		Thôn Phung
643		Thôn Ia Bĩa
644		Làng Kuăi
645	Xã Ia Lâu	Thôn Hòa Bình
646		Thôn Lũng Vân
647		Thôn Pior 1
648		Thôn 8
649		Thôn 7
650		Thôn Bắc Thái
651		Thôn Tu
652		Thôn Phung
653		Thôn Cao Lạng
654		Thôn 6
655		Thôn Đà Bắc
656		Thôn Me
657		Thôn Đút
658		Thôn Pior 2
659		Thôn Phố Hiến
660		Thôn Tân Thanh
661		Thôn Yên Hưng
662		Thôn 5
663	Xã Ia Krêl	Thôn Đồng Tâm 1

664	Xã Ia Krêl	Thôn Thống Nhất
665		Thôn Quyết Thắng
666		Thôn Al Gôn
667		Thôn Yít Tú
668		Thôn Yít Rông
669		Thôn Le 1
670		Thôn Le 2
671		Thôn Phang
672		Thôn Gào
673		Thôn Klũh Yêh
674		Thôn Ia Lâm Tók
675		Thôn Ia Lâm
676		Thôn Ia Kăm
677		Thôn Thanh Giáo
678		Thôn Thanh Tân
679		Thôn Ngol Le
680		Thôn Krêl
681		Thôn Krol
682		Thôn Khóp
683		Thôn Ngol Rông
684	Xã Ia Krái	Thôn 1
685		Thôn 2 (Ia Tô)
686		Thôn 2 (Ia Krái)
687		Thôn 5 (Ia Tô)
688		Thôn 5 (Ia Krái)
689		Thôn 6
690		Thôn 7
691		Thôn 8
692		Thôn 10
693		Thôn Krung
694		Thôn Delung 1
695		Thôn Delung 2
696		Thôn Kmông
697		Thôn Nang
698		Thôn Del
699		Thôn Te
700		Thôn Myah
701		Thôn Bi De
702		Thôn Bi Ia Yom
703		Thôn Bi Ia Nách
704		Thôn Dọch Kuê
705		Thôn Dọch Tung
706		Thôn Kăm
707		Thôn Ó
708		Thôn Tung Breng
709		Thôn Jăng Blo
710		Thôn Jăng Krãi
711		Thôn Nú

712	Xã Ia Krái	Thôn Yom
713		Thôn Ếch
714		Thôn Tung Chrúc
715	Xã Ia Ko	Thôn 4
716		Thôn Tel
717		Thôn Plong
718		Thôn Sờ
719		Thôn Tol
720		Thôn Gran
721		Thôn Á
722		Thôn O Grung
723		Thôn O Bung
724		Thôn Tai Glai
725		Thôn Vel
726		Thôn Sur A
727		Thôn Sur B
728		Thôn Cây Xoài
729		Thôn Hra
730		Thôn tông Kek
731		Thôn 6C
732		Thôn Mung
733		Thôn Dư Keo
734	Xã Ia Khuol	Thôn Rơ Vai
735		Thôn Tân Lập
736		Thôn Đại An 1
737		Thôn Đại An 2
738		Thôn Pok
739		Thôn Grút
740		Thôn Tơ Vơn 1
741		Thôn Tơ Vơn 2
742		Thôn Tơ Ver
743		Thôn Kách
744		Thôn Broch
745		Thôn Klên
746		Thôn Tuêk
747		Thôn Om
748		Thôn Krăh
749		Thôn Mor
750		Thôn H'De
751		Thôn Kon Sơ Lãng
752		Thôn Kon Băh
753		Thôn Kon Măh
754		Thôn Kon Chang
755		Thôn Kon Pơ Nang
756		Thôn Kon Sơ Lăl
757		Thôn Kon Sơ Bai
758		Thôn Kon Kơ Mỗ
759		Thôn Kon Hơ Nglêh

760	Xã Ia Hrug	Thôn Ia Tong
761		Thôn Breng 2
762		Thôn Klăh1
763		Thôn Blang 1
764		Thôn Blang 2
765		Thôn Blang 3
766		Thôn Breng 3
767		Thôn Brel
768		Thôn Chư Hậu 5
769		Thôn Thái Hà
770		Thôn Lập Thành
771		Thôn Thôn Nang
772		Thôn Đức Tân
773		Thôn Đức Thành
774		Thôn Dút 1
775		Thôn Dút 2
776		Thôn Jek
777		Thôn Ó
778		Thôn Tốt
779		Thôn Nú
780		Thôn Yang
781		Thôn Jut 1
782		Thôn Breng 1
783		Thôn Jut 2
784		Thôn Klăh 2
785		Thôn Hà Thanh
786		Thôn 1 (Ia Hrug)
787		Thôn 2
788		Thôn Thanh Hà 1
789		Thôn Út 1
790		Thôn Ngai Ngó
791		Thôn Máih
792		Thôn Blo Dung
793		Thôn 1 (Ia Yok)
794		Thôn Hưng Bình Tân Hợp
795		Thôn Tân Sao
796		Thôn Văn Yên
797		Thôn Bô
798		Thôn Hợp Nhất
799	Xã Ia Hrú	Thôn Kte
800		Thôn Dek
801		Thôn Ia Sa
802		Thôn Tnug
803		Thôn Kueng Đơn
804		Thôn Lũh Rung
805		Thôn Lũh Ngó
806		Thôn Lũh Yố
807		Thôn Thôn Đung

808	Xã Ia Hnú	Thôn Phú Quang
809		Thôn Thông B
810		Thôn Tong Yong
811		Thôn Tao Kó
812		Thôn Khô Roa
813		Thôn Teng Nong
814		Thôn Tao kláh
815		Thôn Tao Ôr
816		Thôn Ia Sâm
817		Thôn Bê Tel
818		Thôn Tung Blai
819		Thôn Tung Đao
820		Thôn Tung Chêr
821		Thôn Tung Mo A
822	Xã Ia Hiao	Thôn Ling
823		Thôn Oĩ Hly
824		Thôn Ma Hrai
825		Thôn Chư Knông
826		Thôn Tân Phú
827		Thôn Đoàn Kết
828		Thôn Điểm 9
829		Thôn Mi Hoan
830		Thôn Chư Plah Jai
831		Thôn Chrôh Ponan
832		Thôn Yên Phú 1
833		Thôn Yên Phú 2
834		Thôn Sô Ma Long A
835		Thôn Sô Ma Long B
836		Thôn Thanh Trang
837		Thôn Thanh Bình
838		Thôn Bình Trang
839		Thôn Sô Ma Hang A
840		Thôn Sô Ma Hang B
841		Thôn Sô Ma Rơng
842		Thôn Thống Nhất
843	Xã Ia Grai	Thôn 1
844		Thôn 2
845		Thôn 3
846		Thôn 4
847		Thôn 5
848		Thôn 1
849		Thôn 2
850		Thôn Yam
851		Thôn Kép
852		Thôn Thắng Trạch 1
853		Thôn Thắng Trạch 2
854		Thôn Thanh Bình
855		Thôn Ngai Yố

856	Xã Ia Grai	Thôn Út 2
857		Thôn Bek
858		Thôn Păng Go - Phù Tiên
859		Thôn Dun De
860		Thôn Chư Hậu 6
861		Thôn Hợp Thành
862		Thôn Ô Rê 1
863		Thôn Ô Rê 2
864		Thôn Gộc
865		Thôn Mèo
866		Thôn Châm
867		Thôn Khóp
868		Thôn Hlũh
869	Xã Ia Dreh	Thôn Ji
870		Thôn Jú
871		Thôn Ia Hly
872		Thôn Ia Soá
873		Thôn Tơ Nung
874		Thôn Kơ Jing
875		Thôn Hreh
876		Thôn Nông Siu
877		Thôn Bả Nga
878		Thôn Gum Góp
879		Thôn Blăk
880		Thôn Ia Klon
881	Xã Ia Dom	Thôn Cửa Khẩu
882	Xã Ia Dơk	Thôn Chư bôl
883		Thôn Chư bộ 2
884		Thôn Đoàn Kết
885		Thôn Ia Mang
886		Thôn Sung Le Kát
887		Thôn Sung Le Tung
888		Thôn Ghè
889		Thôn Lang
890		Thôn Đo
891		Thôn Dơk Ngol
892		Thôn Lệ Kim
893		Thôn Dơk Klăh
894		Thôn Sung
895		Thôn Pong
896	Xã Ia Chia	Thôn Nú I
897		Thôn Bang
898		Thôn Tang
899		Thôn Kom Yố
900	Xã Ia Boòng	Thôn Pó
901		Thôn Tung
902		Thôn Sung o Boòng Nga
903		Thôn La

904	Xã Ia Boòng	Thôn Kro
905		Thôn Grang
906		Thôn Klũh Klăh
907		Thôn Iắt
908		Thôn Đoàn Kết
909		Thôn Ninh Hòa
910		Thôn Ninh Phúc
911		Thôn Sờ
912		Thôn Gà
913		Thôn Riêng
914		Thôn Tnao
915		Thôn Khor
916		Thôn Siu
917		Thôn Xuân Me
918		Thôn Nót
919		Thôn Quen
920		Thôn Yên Me
921		Thôn Xom
922		Thôn Đê Sơ
923	Xã Ia Bắg	Thôn Ia Klai
924		Thôn Châm Prông
925		Thôn Châm Bôm
926		Thôn O Yố
927		Thôn O Ngó
928		Thôn Brông Thông
929		Thôn Blo
930		Thôn Adok Kông
931		Thôn Bia Tih
932		Thôn Broch
933		Thôn Djrông
934		Thôn Bia Bre
935		Thôn Odeh
936		Thôn Ngom Thung
937		Thôn Alphun
938		Thôn Aroh
939		Thôn Brong Goai
940		Thôn 10
941		Thôn Breng
942	Xã Hội Sơn	Thạch Bàn Đông
943		An Điền
944		Long Định
945		Hiệp Long
946	Xã Hoài Ân	Thôn Du Tự
947		Thôn Linh Chiêu
948		Thôn An Thiện
949		Thôn An Đôn
950		Thôn Tân Thành
951		Thôn Diêu Tường

952	Xã Hoài Ân	Thôn Vĩnh Viễn
953		Thôn Trí Tường
954		Thôn Thạch Long 2
955		Thôn Thạch Long 1
956	Xã Hòa Hội	Thôn Khánh Phước
957		Thôn Vĩnh Kiên
958		Thôn Vĩnh Long
959		Thôn Tân Hóa Bắc
960		Thôn Chánh An
961	Xã Gào	Thôn A
962		Thôn B
963		Thôn C
964		Thôn D
965		Thôn 4
966		Thôn 5
967		Thôn 6
968		Thôn De Chí
969		Thôn Ograng
970		Thôn O Pếch
971		Thôn Ku Tong
972		Thôn Sát Tàu
973		Thôn O Gia
974		Thôn Nang Long- O Sờ
975		Thôn Mơ Nú
976		Thôn Nhao 1
977		Thôn Nhao 2
978		Thôn O Sờ
979		Thôn Thoong Ngó
980		Thôn Thoong Yô
981		Thôn 1
982	Xã Đức Cơ	Thôn 4
983		Thôn 9
984		Thôn Trol Deng
985		Thôn Pnuk
986		Thôn Ấp
987		Thôn Krai
988		Thôn Lung Prông
989		Thôn Grôn
990		Thôn Hrang
991	Xã Đề Gi	Thôn An Nhuệ
992		Thôn Phú Long
993		Thôn Phú Đồng
994		Thôn Đức Phổ 2
995		Thôn Gia Lạc
996		Thôn Thái Bình
997		Thôn Thái Phú
998		Thôn Hoà Hiệp
999		Thôn Vĩnh Thành

1000	Xã Đăk Song	Thôn Kliết-H'ôn
1001		Thôn Kte- chăng
1002		Thôn Krắc
1003		Thôn Blà
1004		Thôn Mèo
1005		Thôn Tbung
1006		Thôn Brang
1007	Xã Đăk Somei	Thôn 18
1008		Thôn Bok Rei
1009		Thôn Kon Sơ Nglok
1010		Thôn Kon Pơ Dram
1011		Thôn Kon Ma Har
1012		Thôn Kon Năk
1013		Thôn Kon Jôt
1014	Xã Đăk Rong	Thôn Suối U
1015		Thôn Kon Lanh
1016		Thôn Kon Lanh Te
1017		Thôn Kon Von 1
1018		Thôn Kon Von 2
1019		Thôn Hà Đùng 1
1020		Thôn Hà Đùng 2
1021		Thôn Kon Lốc 1
1022		Thôn Kon Lốc 2
1023		Thôn Kon Trang
1024		Thôn Kon Thông
1025		Thôn Kon Hleng
1026		Thôn Kon Kring
1027		Thôn Kon Ktonh
1028	Xã Đăk Pơ	Thôn 3
1029		Thôn 4
1030		Thôn Hven
1031		Thôn Gliэк
1032		Thôn Leng Tô
1033		Thôn 5
1034		Thôn 6
1035		Thôn Bút
1036		Thôn Kuk Đak
1037		Thôn Kuk Kôn
1038		Thôn 7
1039		Thôn 9
1040		Thôn Hway
1041		Thôn Jro Dong
1042		Thôn Klăh Môn
1043		Thôn Kleo Ktu
1044		Thôn Krông Hra
1045		Thôn Bung Bang Hven
1046		Thôn Kruôi Chai
1047		Thôn Jun

1048	Xã Đak Pơ	Thôn Jro Ktu Đak Yang
1049	Xã Đak Đoa	Thôn 6
1050		Thôn 7
1051		Thôn 1
1052		Thôn 3
1053		Thôn Bối
1054		Thôn Tươh Klah
1055		Thôn Tươh Ktu
1056		Thôn Dôr I
1057		Thôn Dôr II
1058		Thôn Dok Rơng
1059		Thôn Groi Wét
1060		Thôn Groi I
1061		Thôn Dur
1062	Xã Cửu An	Thôn An Xuân 1
1063		Thôn An Xuân 2
1064		Thôn An Xuân 3
1065		Thôn An Thạch
1066		Thôn An Thượng 2
1067		Thôn An Thượng 3
1068		Thôn Thượng An 1
1069		Thôn Thượng An 2
1070		Thôn Thượng An 3
1071		Thôn An Điền Bắc
1072		Thôn An Bình
1073		Thôn Pốt
1074		Thôn Hòa Bình
1075		Thôn Pơ Nang
1076	Xã Chư Sê	Thôn Nhoi
1077		Thôn 10
1078		Thôn Hăng Rơng
1079		Thôn Mỹ Thạch 2
1080		Thôn Mỹ Thạch 3
1081		Thôn Ngoser-Glan
1082		Thôn Ia Blang 1
1083		Thôn Phù Mỹ
1084		Thôn 6
1085		Thôn An Điền
1086		Thôn Nhã
1087		Thôn Koái
1088		Thôn Mung Hlú
1089		Thôn Blo Hưng
1090		Thôn Queng Mếp
1091		Thôn Rơng Răng
1092		Thôn Greo Pết
1093		Thôn Greo Sék
1094		Thôn Pan
1095		Thôn Ia Pết

1096	Xã Chư Sê	Thôn Ia Pal 5
1097		Thôn Vườn Ươm
1098		Thôn Thủy Lợi
1099		Thôn Ngol
1100		Thôn Yon Tok
1101		Thôn Hương Phú
1102		Thôn Nhơn Phú
1103		Thôn Del
1104		Thôn Pang
1105		Thôn Nông Trường
1106	Xã Chư Pưh	Thôn Phung
1107		Thôn Thơh Nhueng
1108		Thôn Hòa Thuận
1109		Thôn Hòa Sơn
1110		Thôn Hòa Lộc
1111		Thôn Ia Ke
1112		Thôn Tao
1113		Thôn Briêng
1114		Thôn Ia Khưng
1115		Thôn Thơh Ga B
1116		Thôn Ngãng
1117		Thôn Hlốp
1118		Thôn Thong A
1119		Thôn Djriék
1120		Thôn Kly Phun
1121		Thôn Lao
1122		Thôn Kia
1123		Thôn Tong Will
1124		Thôn Hòa An
1125		Thôn Hòa Hiệp
1126	Xã Chư Prông	Thôn Hòa Phú
1127		Thôn 5
1128		Thôn 6
1129		Thôn Đông Hà
1130		Thôn An Hòa
1131		Thôn Nhân Hòa
1132		Thôn Đức Nghĩa
1133		Thôn 10
1134		Thôn Bình Thanh
1135		Thôn Hoàng Ân
1136		Thôn Bản Tân
1137		Thôn Hoàng Tiên
1138		Thôn Hưng Tiến
1139		Thôn Bò
1140		Thôn Grang
1141		Thôn La
1142		Thôn Ó
1143		Thôn Klũ

1144	Xã Chư Prông	Thôn Pó
1145		Thôn Thung
1146		Thôn Núi
1147		Thôn Klă
1148		Thôn Bạc 1
1149		Thôn Bạc 2
1150		Thôn Xung Beng
1151		Thôn Lân
1152	Xã Chư Păh	Thôn 1 (Phú Hòa)
1153		Thôn 1 (Phú Hòa)
1154		Thôn 2 (Phú Hòa)
1155		Thôn 4 (Phú Hòa)
1156		Thôn Krái (Phú Hòa)
1157		Thôn 1 (Nghĩa Hòa)
1158		Thôn 2 (Nghĩa Hòa)
1159		Thôn 3 (Nghĩa Hòa)
1160		Thôn 5 (Nghĩa Hòa)
1161		Thôn Kênh (Nghĩa Hòa)
1162		Thôn Rơ Va (Hòa Phú)
1163		Thôn Bồi (Hòa Phú)
1164		Thôn Hreng (Hòa Phú)
1165	Xã Chư Krey	Thôn Sơ Rơn
1166		Thôn Veh
1167		Thôn Châu
1168		Thôn Lơ Pơ
1169		Thôn Hrách
1170		Thôn Chiêu Liêu
1171		Thôn Pobah Ktu
1172		Thôn Brò
1173		Thôn Ó
1174		Thôn Brọch Siêu
1175		Thôn Biên
1176		Thôn Kial
1177		Thôn Sơ Kiết
1178		Thôn 6
1179		Thôn Gia Yên
1180	Xã Chư A Thai	Thôn Nam Hà
1181		Thôn Tân Điệp 1
1182		Thôn Glung Mơ Lan
1183		Thôn Glung B
1184		Thôn Tăng A
1185		Thôn Tăng B
1186		Thôn Lok
1187		Thôn Mun Măk
1188		Thôn Thanh Thượng
1189		Thôn Thanh Hà
1190		Thôn Sơn Bình
1191		Thôn Đoàn Kết

1192	Xã Chư A Thai	Thôn Ơi
1193		Thôn Rìng Đáp
1194		Thôn Ia Chă Wâu
1195		Thôn Dâm
1196		Thôn Drok
1197		Thôn Hải Yên
1198		Thôn Kim Môn
1199		Thôn Kinh Pêng
1200		Thôn Pông
1201		Thôn Trớ
1202		Thôn Hek
1203	Xã Chơ Long	Thôn 2
1204		Thôn 3
1205		Thôn 4
1206		Thôn 8
1207		Thôn 9
1208		Thôn Kúc Gmỏi
1209		Thôn Klăh
1210		Thôn Tpon
1211		Thôn Tpe
1212		Thôn Brul
1213	Xã Cát Tiến	Thôn Chánh Đạt
1214		Thôn Trường Thạnh
1215		Thôn Phương Thái
1216		Thôn Tân Tiến
1217		Thôn Chánh Thắng
1218		Thôn Chánh Hùng
1219	Xã Canh Vinh	Thôn Kinh Tế
1220		Thôn Tăng Hòa
1221		Thôn Tăng Lợi
1222		Thôn Hiền đông
1223		Thôn Thanh Minh
1224		Thôn Chánh Hiền
1225		Thôn 4
1226		Thôn Hiệp Tiến
1227		Thôn Hiệp Hưng
1228		Thôn Suối Đá
1229		Thôn Canh Tiến
1230	Xã Canh Liên	Thôn Hà Giao
1231		Thôn Kon Lót
1232		Thôn Kà Nâu
1233		Thôn Kà Bưng
1234		Thôn Kà Thông
1235		Thôn Cát
1236		Thôn Chôm
1237	Xã Bờ Ngoong	Thôn Đồng Tâm
1238		Thôn Đoàn Kết
1239		Thôn Tân Tiến

1240	Xã Bờ Ngoong	Thôn 16
1241		Thôn Quái
1242		Thôn Amo
1243		Thôn Thoong Nha
1244		Thôn Dnâu
1245		Thôn Puih Jri
1246		Thôn Pa Pét
1247		Thôn Ka
1248		Thôn Klu
1249		Thôn Thông
1250		Thôn Nú
1251		Thôn Lê Ngol
1252		Thôn Lê Anh
1253		Thôn Hlu
1254		Thôn Khôi Zét
1255		Thôn Khôi Zố
1256		Thôn An Lộc
1257		Thôn Ia Ring
1258		Thôn 19
1259		Thôn Phăm Klah
1260		Thôn Phăm Ngol
1261		Thôn Phăm Kleo Ngol
1262		Thôn Phăm Ó
1263		Thôn T'Drah
1264		Thôn Đoàn Kết
1265		Thôn Thái Hà
1266		Thôn Hồ Lang
1267		Thôn Hồ Lâm
1268		Thôn Ia Bâu
1269		Thôn Grai Mek
1270		Thôn Kênh Siêu
1271	Xã Bình Phú	Thôn Phú Lâm
1272		Thôn Kon Giọt 1
1273		Thôn Kon Giọt 2
1274		Thôn Kon Giang
1275		Thôn Kon Mon
1276		Thôn Xà Tang
1277	Xã Bình Hiệp	Thôn M6
1278		Thôn Thuận Ninh
1279		Thôn An Hội
1280		Thôn Hòa Mỹ
1281		Thôn Đồng Quy
1282		Thôn Háo Nghĩa
1283		Thôn Mỹ Đức
1284		Thôn Hòa Thuận
1285		Thôn Trung Sơn
1286	Xã Bình Dương	Thôn Dương Liễu Đông
1287		Thôn Dương Liễu Bắc

1288	Xã Bình Dương	Thôn Chánh Khoan Đông
1289		Thôn Phú Ninh Tây
1290		Thôn Phú Ninh Đông
1291		Thôn Mỹ Phú Nam
1292		Thôn Mỹ Phú Đông
1293		Thôn Mỹ Phú Bắc
1294		Thôn Văn Trường Tây
1295		Thôn Văn Trường
1296		Thôn Văn Trường Đông
1297		Thôn Phú Đức
1298		Thôn Phú Nhiêu
1299		Thôn Gia Hội
1300		Thôn Phước Thung
1301		Thôn Phú Quang
1302		Thôn Vĩnh An
1303	Xã Bình An	Thôn Phước Chánh
1304		Thôn Đồng Hòa
1305		Thôn Kiên Thạnh
1306		Thôn Vĩnh Lộc
1307	Xã Biển Hồ	Thôn An Vinh 2
1308		Thôn 1
1309		Thôn Đồng Bằng
1310		Thôn Tiên Sơn 1
1311		Thôn Nghĩa Hưng 1
1312		Thôn Nghĩa Hưng 2
1313		Thôn Nghĩa Hưng 4
1314		Thôn Nghĩa Hưng 5
1315		Thôn Nghĩa Hưng 6
1316		Thôn Nghĩa Hưng 7
1317		Thôn Nghĩa Hưng 8
1318		Thôn Nghĩa Hưng 9
1319		Thôn Ngô Sơn
1320		Thôn Đoàn Kết
1321		Thôn 76
1322		Thôn Phụng
1323		Thôn Ia Nueng
1324		Thôn Têg 1
1325		Thôn Têg 2
1326		Thôn Brông
1327		Thôn Klung
1328		Thôn Bui
1329		Thôn Ea Lũh
1330		Thôn Nhing
1331		Thôn Wet
1332		Thôn Kó
1333		Thôn Yar
1334		Thôn Xóa
1335		Thôn Ia Gri

1336	Xã Biên Hồ	Thôn Thông
1337		Thôn Hôi
1338		Thôn Ia Mút
1339		Thôn Núi
1340		Thôn Rìng Rai
1341		Thôn Sao Đúp
1342		Thôn Weh
1343	Xã Bàu Cạn	Thôn 2
1344		Thôn 3
1345		Thôn 5
1346		Thôn 6
1347		Thôn 7
1348		Thôn Đồng Tâm
1349		Thôn Đoàn Kết
1350		Thôn Tây Hồ
1351		Thôn Hòa Bình
1352		Thôn Bàng
1353		Thôn Khanh
1354		Thôn Mui
1355		Thôn Đê
1356	Xã Ayun	Thôn 1
1357		Thôn 2
1358		Thôn 3
1359		Thôn Đoàn kết
1360		Thôn Nhơn Thông
1361		Thôn Đê Bơ Tok
1362		Thôn Đê Kjêng
1363		Thôn Hiêr
1364		Thôn Atur
1365		Thôn Thông
1366		Thôn Thông Pim
1367	Xã An Vinh	Thôn 1 An Trung
1368		Thôn 3 An Trung
1369		Thôn 4 An Trung
1370		Thôn 5 An Trung
1371		Thôn 6 An Trung
1372		Thôn 8 An Trung
1373		Thôn TMang Gheng
1374		Thôn 1 An Dũng
1375		Thôn 2 An Dũng
1376		Thôn 3 An Dũng
1377		Thôn 4 An Dũng
1378		Thôn 1
1379		Thôn 2
1380		Thôn 3
1381		Thôn 4
1382		Thôn 5
1383		Thôn 6

1384	Xã An Vinh	Thôn 7
1385	Xã Ân Trường	Thôn Hội Nhon
1386		Thôn Xuân Sơn
1387		Thôn Phú Văn 1
1388		Thôn Phú Văn 2
1389		Thôn Hà Tây
1390		Thôn Tân Thịnh
1391		Thôn O6
1392		Thôn O10
1393		Thôn O11
1394		Thôn T6
1395	Xã An Toàn	Thôn 1
1396		Thôn 2
1397		Thôn 3
1398		Thôn Nước Ron
1399		Thôn Nước Lương
1400		Thôn Đồng Bà Lãnh
1401		Thôn Hòn Chiên
1402		Thôn Nước Lương Ngọn
1403	Xã An Nhon Tây	Thôn Trảng Cừ
1404		Thôn Trảng Long
1405		Thôn Thọ Tân Nam
1406	Xã An Lương	Thôn Chánh Thiện
1407		Thôn An Lương
1408		Thôn Chánh An
1409		Thôn Đông An
1410		Thôn Thái An
1411		Thôn Lương Trung
1412		Thôn Lương Thái
1413		Thôn An Xuyên 1
1414		Thôn An Xuyên 2
1415		Thôn An Xuyên 3
1416		Thôn Thượng An
1417		Thôn An Hoan
1418		Thôn An Hòa
1419		Thôn Công Trung
1420		Thôn Trung Xuân
1421		Thôn Hưng Tân
1422		Thôn Hưng Lạc
1423		Thôn Xuân Bình Nam
1424		Thôn Xuân Bình Bắc
1425		Thôn Hòa Hội Nam
1426		Thôn Hòa Hội Bắc
1427		Thôn Hội Thuận
1428	Xã An Lão	Thôn 1
1429		Thôn 2
1430		Thôn 3
1431		Thôn 4

1432	Xã An Lão	Thôn 5
1433		Thôn 6
1434		Thôn 7
1435		Thôn 9
1436		Thôn Hưng Nhơn
1437		Thôn Gò Bùì
1438		Thôn Gò Đồn
1439		Thôn Tân An
1440		Thôn Tân Lập
1441		Thôn Thuận An
1442		Thôn Thuận Hòa
1443	Xã An Hòa	Thôn Hưng Nhượng
1444		Thôn Xuân Phong Tây
1445		Thôn Vạn Xuân
1446		Thôn Trà Cong
1447		Thôn 2
1448		Thôn 3
1449		Thôn 4
1450		Thôn 5
1451		Thôn 6
1452		Thôn Bình Hòa Nam
1453		Thôn Cẩm Đức
1454	Xã Ân Hào	Thôn Vạn Hòa
1455		Thôn Hội Trung
1456		Thôn Phước Bình
1457		Thôn Tân Sơn
1458		Thôn Vạn Tín
1459		Thôn Châu Sơn
1460		Thôn Mỹ Đức
1461		Thôn Long Quang
1462		Thôn Đại Định
1463		Thôn Tứ Kỳ Nam
1464	Xã AL Bá	Thôn Tứ Kỳ Bắc
1465		Thôn AChông
1466		Thôn Keo
1467		Thôn Vong Chép
1468		Thôn Amil
1469		Thôn HVăk
1470		Thôn Tung Ke
1471		Thôn Chư ruồi Sul
1472		Thôn Dơ Nông Ó
1473		Thôn Kjai Tăng
1474		Thôn U Diếp
1475		Thôn Ser Dơ Mố
1476		Thôn Ia Choan Luh
1477		Thôn Klah
1478		Thôn Ia Doa
1479		Thôn Ia H Boòng

1480	Xã AL Bá	Thôn Blút Griêng
1481		Thôn Blút Róh
1482	Thôn Ia Phí	Thôn Kte
1483		Thôn Tum
1484		Thôn Yút
1485		Thôn Kép
1486		Thôn Lút
1487		Thôn Óp
1488		Thôn Or
1489		Thôn Prép
1490		Thôn Ròi
1491		Thôn Roih
1492		Thôn Yăng 2
1493		Thôn Yăng 3
1494		Thôn Kênh
1495		Thôn 3
1496		Thôn 6
1497		Thôn 7
1498		Thôn Ia Sik
1499		Thôn Bàng
1500		Thôn Mrông Yô 1
1501		Thôn Mrông Yô 2
1502		Thôn Mrông Ngó 3
1503		Thôn Mrông Ngó 4
1504		Thôn Jruăng
1505		Thôn Bui
1506		Thôn Bluk Blui
1507		Thôn Kênh Chóp
1508		Thôn 1 (Ia Nhin)
1509		Thôn 1 (Ia Ka)
1510		Thôn 2 (Ia Nhin)
1511		Thôn 2 (Ia Ka)
1512	Thôn Hra	Thôn Nhon thọ
1513		Thôn Kret Krot
1514		Thôn Ktu Dơng
1515		Thôn Chơng I
1516		Thôn KDung
1517		Thôn Chơng II
1518		Thôn Kon Hoa
1519		Thôn Đê Kôn
1520		Thôn Bok Ayol
1521		Thôn Kon Chrah
1522		Thôn Đak Dwe
1523	Phường Thống Nhất	Tổ dân phố 3 (Thống nhất)
1524		Tổ dân phố 5 (Thống nhất)
1525		Tổ dân phố 6 (Thống nhất)
1526		Tổ dân phố 7 (Thống nhất)
1527		Tổ dân phố 2 (Đồng Đa)

1528	Phường Thông Nhất	Tổ dân phố 4 (Đồng Đa)
1529		Thôn Kép (Đồng Đa)
1530		Tổ dân phố 2 (Yên Thế)
1531		Tổ dân phố 7 (Yên Thế)
1532		Tổ dân phố 8 (Yên Thế)
1533		Tổ dân phố 9 (Yên Thế)
1534		Tổ dân phố 10 (Yên Thế)
1535		Thôn Bruk Ngol (Yên Thế)
1536	Phường Tam Quan	Tổ dân phố 1
1537		Tổ dân phố 2
1538		Tổ dân phố 3
1539		Tổ dân phố 4
1540		Tổ dân phố 5
1541		Tổ dân phố 6
1542		Tổ dân phố 7
1543		Tổ dân phố 8
1544		Tổ dân phố 9
1545		Tổ dân phố An Quý Nam
1546		Tổ dân phố Hội An
1547		Tổ dân phố Hội An Tây
1548		Tổ dân phố Tân An
1549		Tổ dân phố Tân Trung
1550		Tổ dân phố Thành Sơn
1551		Tổ dân phố Thành Sơn Tây
1552	Phường Quy Nhơn Tây	Tổ dân phố 3
1553		Tổ dân phố 6
1554		Tổ dân phố 8
1555		Tổ dân phố Long Thành
1556	Phường Quy Nhơn Nam	Tổ dân phố 3
1557		Tổ dân phố 5
1558		Tổ dân phố 6
1559		Tổ dân phố 9
1560		Tổ dân phố 10
1561		Tổ dân phố 14
1562		Tổ dân phố 15
1563		Tổ dân phố 18
1564		Tổ dân phố 19
1565		Tổ dân phố 20
1566		Tổ dân phố 21
1567		Tổ dân phố 28
1568		Tổ dân phố 31
1569		Tổ dân phố 32
1570	Phường Quy Nhơn Đông	Tổ dân phố 5
1571		Tổ dân phố 8
1572		Tổ dân phố Hội Tân
1573		Tổ dân phố Hội Thành
1574		Tổ dân phố Hải Đông
1575		Tổ dân phố Hải Bắc

1576	Phường Quy Nhơn Đông	Tổ dân phố Lý Lương
1577	Phường Quy Nhơn Bắc	Tổ dân phố 1
1578		Tổ dân phố 2
1579		Tổ dân phố 13
1580		Tổ dân phố 1
1581		Tổ dân phố 4
1582		Tổ dân phố 6
1583		Tổ dân phố 7
1584		Tổ dân phố 8
1585		Tổ dân phố 11
1586		Tổ dân phố 12
1587		Tổ dân phố 13
1588		Tổ dân phố 14
1589		Tổ dân phố 15
1590		Tổ dân phố 16
1591		Tổ dân phố 17
1592		Tổ dân phố 18
1593		Tổ dân phố 19
1594		Tổ dân phố 20
1595		Tổ dân phố 21
1596		Tổ dân phố 22
1597	Phường Quy Nhơn	Tổ dân phố 24
1598		Tổ dân phố 25
1599		Tổ dân phố 26
1600		Tổ dân phố 27
1601		Tổ dân phố 28
1602		Tổ dân phố 31
1603		Tổ dân phố 32
1604		Tổ dân phố 37
1605		Tổ dân phố 41
1606		Tổ dân phố 42
1607		Tổ dân phố 44
1608		Tổ dân phố 45
1609		Tổ dân phố 46
1610		Tổ dân phố 47
1611	Phường Pleiku	Tổ dân phố 49
1612		Tổ dân phố 59
1613		Tổ dân phố 60
1614		Tổ dân phố 61
1615		Tổ dân phố 3 (Hoa Lư)
1616		Tổ dân phố 4 (Hoa Lư)
1617		Tổ dân phố 8 (Hoa Lư)
1618		Tổ dân phố 9 (Hoa Lư)
1619		Tổ dân phố 12 (Hoa Lư)
1620		Tổ dân phố 13 (Hoa Lư)
1621		Thôn Ôp
1622		Tổ dân phố 1 (Trà Đa)
1623		Tổ dân phố 2 (Trà Đa)

1624	Phường Pleiku	Tổ dân phố 3 (Trà Đa)
1625		Tổ dân phố 4 (Trà Đa)
1626		Tổ dân phố 5 (Trà Đa)
1627		Tổ dân phố 6 (Trà Đa)
1628		Tổ dân phố 1 (Hội Thương)
1629		Tổ dân phố 3 (Hội Thương)
1630		Tổ dân phố 4 (Hội Thương)
1631		Tổ dân phố 5 (Hội Thương)
1632		Tổ dân phố 6 (Hội Thương)
1633		Tổ dân phố 7 (Hội Thương)
1634		Tổ dân phố 1 (Tây Sơn)
1635		Tổ dân phố 6 (Tây Sơn)
1636		Tổ dân phố 3 (Tây Sơn)
1637		Tổ dân phố 4 (Tây Sơn)
1638		Tổ dân phố 1 (Phù Đồng)
1639		Tổ dân phố 2 (Phù Đồng)
1640		Tổ dân phố 5 (Phù Đồng)
1641		Tổ dân phố 7 (Phù Đồng)
1642		Tổ dân phố 8 (Phù Đồng)
1643		Tổ dân phố 9 (Phù Đồng)
1644	Phường Hội phú	Tổ dân phố 1 (Chi Lăng)
1645		Tổ dân phố 2 (Chi Lăng)
1646		Tổ dân phố 3 (Chi Lăng)
1647		Tổ dân phố Ia Rôk
1648		Tổ dân phố Hàm Rồng
1649		Tổ dân phố Châm Aneh
1650		Tổ dân phố Ia Lang
1651		Tổ dân phố Ngol Tã
1652		Tổ dân phố 1 (Trà Bá)
1653		Tổ dân phố 3 (Trà Bá)
1654		Tổ dân phố 4 (Trà Bá)
1655		Tổ dân phố 5 (Trà Bá)
1656		Tổ dân phố 6 (Trà Bá)
1657		Tổ dân phố 7 (Trà Bá)
1658		Tổ dân phố 8 (Trà Bá)
1659		Tổ dân phố Ngó
1660		Tổ dân phố Khun
1661		Tổ dân phố Ngol
1662		Tổ dân phố 1 (Hội Phú)
1663		Tổ dân phố 6 (Hội Phú)
1664	Phường Hoài Nhơn Tây	Tổ dân phố Cự Lễ 1
1665		Tổ dân phố Cự Lễ 2
1666		Tổ dân phố Cự Tài 1
1667		Tổ dân phố Cự Tài 2
1668		Tổ dân phố Lương Thọ 1
1669		Tổ dân phố Lương Thọ 2
1670		Tổ dân phố Lương Thọ 3
1671		Tổ dân phố Mỹ Bình 1

1672	Phường Hoài Nhơn Tây	Tổ dân phố Mỹ Bình 2
1673		Tổ dân phố Mỹ Bình 3
1674		Tổ dân phố Thuận Thượng 1
1675	Phường Hoài Nhơn Nam	Tổ dân phố Thuận Thượng 2
1676		Tổ dân phố Hòa Trung 1
1677		Tổ dân phố Hòa Trung 2
1678		Tổ dân phố Vĩnh Phụng 1
1679		Tổ dân phố Vĩnh Phụng 2
1680		Tổ dân phố Song Khánh
1681		Tổ dân phố Thái Lai
1682		Tổ dân phố Định Trị
1683		Tổ dân phố Mỹ Thọ
1684		Tổ dân phố Khánh Trạch
1685	Phường Hoài Nhơn Đông	Tổ dân phố Xuân Vinh
1686		Tổ dân phố Kim Giao Nam
1687		Tổ dân phố Kim Giao Thiện
1688		Tổ dân phố Diêu Quang
1689		Tổ dân phố Công Lương
1690		Tổ dân phố Kim Giao Trung
1691		Tổ dân phố Kim Giao Bắc
1692		Tổ dân phố Thiện Đức Bắc
1693		Tổ dân phố Nhuận An
1694		Tổ dân phố Thạnh Xuân Bắc
1695		Tổ dân phố Thạnh Xuân Đông
1696		Tổ dân phố An Nghiệp
1697		Tổ dân phố Mỹ Khánh
1698		Tổ dân phố Phú An
1699		Tổ dân phố Xuân Khánh
1700		Tổ dân phố Phú xuân
1701		Tổ dân phố Nhuận An Đông
1702		Tổ dân phố Thiện Đức Đông
1703		Tổ dân phố Ca Công Nam
1704		Tổ dân phố Thiện Chánh 2
1705	Phường Hoài Nhơn Bắc	Tổ dân phố Tân Thành 2
1706		Tổ dân phố Liễu An
1707		Tổ dân phố Bình Đê
1708		Tổ dân phố Liễu An Nam
1709		Tổ dân phố Phú Nông
1710		Tổ dân phố Hy Tường
1711		Tổ dân phố Tuý Sơn
1712		Tổ dân phố Hy Thế
1713		Tổ dân phố Chương Hoà
1714		Tổ dân phố Gia An
1715		Tổ dân phố Túy Thạnh
1716		Tổ dân phố Hy Văn
1717		Tổ dân phố Tường Sơn
1718		Tổ dân phố Tường Sơn Nam
1719		Tổ dân phố Tân Thành

1720	Phường Hoài Nhơn Bắc	Tổ dân phố Trường Xuân Tây
1721		Tổ dân phố Trường Xuân Đông
1722		Tổ dân phố La Vuông
1723		Tổ dân phố An Đỗ
1724		Tổ dân phố Cẩm Hậu
1725		Tổ dân phố An Hội
1726		Tổ dân phố An Hội Bắc
1727		Tổ dân phố Thiện Chánh
1728		Tổ dân phố Dĩnh Thanh
1729		Tổ dân phố Công Thạnh
1730	Phường Hoài Nhơn	Tổ dân phố Tăng Long 1
1731		Tổ dân phố Cửu Lợi Bắc
1732		Tổ dân phố Cửu Lợi Tây
1733		Tổ dân phố Tài Lương 1
1734		Tổ dân phố Tài Lương 2
1735		Tổ dân phố Tài Lương 3
1736		Tổ dân phố Tài Lương 4
1737		Tổ dân phố Ngọc Sơn Bắc
1738		Tổ dân phố Ngọc Sơn Nam
1739		Tổ dân phố Ngọc An Trung
1740		Tổ dân phố Ngọc An Đông
1741		Tổ dân phố Ngọc An Tây
1742		Tổ dân phố Bình Phú
1743		Tổ dân phố An Dinh 1
1744		Tổ dân phố An Dinh 2
1745		Tổ dân phố An Lộc 1
1746		Tổ dân phố An Lộc 2
1747		Tổ dân phố Mỹ An 1
1748		Tổ dân phố Mỹ An 2
1749		Tổ dân phố Trường An 1
1750		Tổ dân phố Trường An 2
1751		Tổ dân phố Lâm Trúc 1
1752		Tổ dân phố Lâm Trúc 2
1753	Phường Diên Hồng	Tổ dân phố Pleiku Roh
1754		Tổ dân phố 1 (Diên Hồng)
1755		Tổ dân phố 2 (Diên Hồng)
1756		Tổ dân phố 3 (Diên Hồng)
1757		Tổ dân phố 4 (Diên Hồng)
1758		Tổ dân phố 5 (Diên Hồng)
1759		Tổ dân phố 6 (Diên Hồng)
1760		Tổ dân phố 1 (Ia Kring)
1761		Tổ dân phố 2 (Ia Kring)
1762		Tổ dân phố 3 (Ia Kring)
1763		Tổ dân phố 8 (Ia Kring)
1764		Tổ dân phố 9 (Ia Kring)
1765		Tổ dân phố 1 (Yên Đỗ)
1766		Tổ dân phố 2 (Yên Đỗ)
1767		Tổ dân phố 3 (Yên Đỗ)

1768	Phường Diên Hồng	Tổ dân phố 5 (Yên Đỗ)
1769		Tổ dân phố 6 (Yên Đỗ)
1770		Tổ dân phố 8 (Yên Đỗ)
1771		Tổ dân phố 9 (Yên Đỗ)
1772		Tổ dân phố 11 (Yên Đỗ)
1773		Tổ dân phố 12 (Yên Đỗ)
1774		Tổ dân phố 13 (Yên Đỗ)
1775		Tổ dân phố 14 (Yên Đỗ)
1776		Tổ dân phố 1 (Diên phú)
1777		Tổ dân phố 2 (Diên phú)
1778		Tổ dân phố 3 (Diên phú)
1779	Phường Bồng sơn	Tổ dân phố 2
1780		Tổ dân phố 3
1781		Tổ dân phố 4
1782		Tổ dân phố 6
1783		Tổ dân phố Liêm Bình
1784		Tổ dân phố Phụ Đức
1785		Tổ dân phố Diên Khánh
1786		Tổ dân phố Định Bình Nam
1787		Tổ dân phố Định Bình
1788		Tổ dân phố Lại Đức
1789		Tổ dân phố Lại Khánh Nam
1790		Tổ dân phố Lại Khánh
1791		Tổ dân phố Văn Cang
1792	Phường Bình Định	Tổ dân phố Phụ Ngọc
1793		Tổ dân phố Mỹ Thạnh
1794		Tổ dân phố Thắng Công
1795		Tổ dân phố Thái Thuận
1796		Tổ dân phố Hoà Mỹ
1797		Tổ dân phố Nhon Nghĩa Đông
1798		Tổ dân phố Quang Trung
1799		Tổ dân phố Ngô Gia Tự
1800	Phường Ayun Pa	Tổ dân phố 1
1801		Tổ dân phố 2
1802		Tổ dân phố 3
1803		Tổ dân phố 4
1804		Tổ dân phố 5
1805		Tổ dân phố 6
1806		Tổ dân phố 7
1807		Tổ dân phố 8
1808		Tổ dân phố 9
1809		Tổ dân phố 10
1810		Tổ dân phố 11
1811		Tổ dân phố 12
1812		Tổ dân phố 13
1813		Tổ dân phố 14
1814		Tổ dân phố 15
1815		Tổ dân phố 16

1816	Phường Ayun Pa	Tổ dân phố 17
1817		Tổ dân phố 18
1818		Tổ dân phố 19
1819		Tổ dân phố 20
1820		Tổ dân phố 21
1821		Tổ dân phố 22
1822		Tổ dân phố 23
1823		Tổ dân phố 24
1824		Tổ dân phố 25
1825		Tổ dân phố 26
1826		Tổ dân phố 27
1827	Phường An Phú	Tổ dân phố 2
1828		Tổ dân phố 3
1829		Tổ dân phố 4
1830		Tổ dân phố 6
1831		Tổ dân phố 7
1832		Tổ dân phố 8
1833		Tổ dân phố 9
1834		Tổ dân phố 10
1835		Tổ dân phố 11
1836		Tổ dân phố 12
1837		Tổ dân phố 13
1838		Tổ dân phố 14
1839		Tổ dân phố 15
1840		Tổ dân phố Chuet 1
1841		Tổ dân phố Chuet 2
1842		Tổ dân phố Nha Prông
1843		Tổ dân phố Thông Phun
1844		Tổ dân phố Chuet Ngol
1845		Tổ dân phố Nha Hyon
1846		Tổ dân phố Wâu
1847		Tổ dân phố Kơ Tu
1848		Tổ dân phố Do Guăh
1849		Tổ dân phố Thông Bao
1850		Tổ dân phố Bong Phrào
1851		Tổ dân phố Thung Dôr
1852	Phường An Nhơn Nam	Tổ dân phố Nghiễm Hòa
1853		Tổ dân phố Phụ Quang
1854		Tổ dân phố Phú Sơn
1855	Phường An Nhơn Đông	Tổ dân phố Chánh Thạnh
1856		Tổ dân phố Thanh Liêm
1857		Tổ dân phố Thuận Thái
1858		Tổ dân phố Trung Định
1859	Phường An Nhơn Bắc	Tổ dân phố Bình An
1860		Tổ dân phố Thanh Mai
1861		Tổ dân phố Xuân Mai
1862		Tổ dân phố Tịnh Hòa
1863		Tổ dân phố Hòa Đông

1864	Phường An Nhơn Bắc	Tổ dân phố Dương Xuân
1865		Tổ dân phố Thái Xuân
1866		Tổ dân phố Nhơn Thiện
1867		Tổ dân phố Tịnh Bình
1868		Tổ dân phố Hòa Tây
1869		Tổ dân phố Định Thuận
1870		Tổ dân phố Liêm Lợi
1871		Tổ dân phố Tam Hòa
1872		Tổ dân phố Kim Tài
1873		Tổ dân phố Thanh Giang
1874		Tổ dân phố Thanh Danh
1875		Tổ dân phố Vĩnh Phú
1876		Tổ dân phố Vạn Thuận
1877		Tổ dân phố Châu Thành
1878		Tổ dân phố Lý Tây
1879		Tổ dân phố An Lợi
1880		Tổ dân phố Nhơn Thuận
1881	Phường An Nhơn	Tổ dân phố Mỹ Hòa
1882		Tổ dân phố Bắc Thuận
1883		Tổ dân phố Ngãi Chánh
1884		Tổ dân phố Thiết Trụ
1885		Tổ dân phố Đại Hòa
1886		Tổ dân phố Nam Nhạn Tháp
1887		Tổ dân phố Đại An
1888		Tổ dân phố Tân Nghi
1889		Tổ dân phố Hòa Phong
1890		Tổ dân phố Đại Bình
1891		Tổ dân phố Nghĩa Hòa
1892		Tổ dân phố Thuận Đức
1893		Tổ dân phố Thiết Trảng
1894		Tổ dân phố Tân Kiều
1895	Phường An Khê	Tổ dân phố 1 (Tây Sơn)
1896		Tổ dân phố 2 (Tây Sơn)
1897		Tổ dân phố 3 (Tây Sơn)
1898		Tổ dân phố 4 (Tây Sơn)
1899		Tổ dân phố 5 (Tây Sơn)
1900		Tổ dân phố 7 (Tây Sơn)
1901		Tổ dân phố 1 (An Phú)
1902		Tổ dân phố 2 (An Phú)
1903		Tổ dân phố 3 (An Phú)
1904		Tổ dân phố 5 (An Phú)
1905		Tổ dân phố 6 (An Phú)
1906		Tổ dân phố 7 (An Phú)
1907		Tổ dân phố 8 (An Phú)
1908		Tổ dân phố 9 (An Phú)
1909		Tổ dân phố 13 (An Phú)
1910		Tổ dân phố 14 (An Phú)
1911		Tổ dân phố 15 (An Phú)

1912	Phường An Khê	Tổ dân phố 1 (An Tân)
1913		Tổ dân phố 2 (An Tân)
1914		Tổ dân phố 3 (An Tân)
1915		Tổ dân phố 1 (Ngô Mây)
1916		Tổ dân phố 2 (Ngô Mây)
1917		Tổ dân phố 3 (Ngô Mây)
1918		Tổ dân phố 4 (Ngô Mây)
1919		Tổ dân phố 1 (An Phước)
1920		Tổ dân phố 2 (An Phước)
1921		Tổ dân phố 3 (An Phước)
1922		Tổ dân phố 1 (Thành An)
1923		Tổ dân phố 2 (Thành An)
1924		Tổ dân phố 3 (Thành An)
1925		Tổ dân phố 4 (Thành An)
1926		Tổ dân phố 5 (Thành An)
1927		Tổ dân phố 6 (Thành An)
1928	Phường An Bình	Tổ dân phố 1
1929		Tổ dân phố 2
1930		Tổ dân phố 3
1931		Tổ dân phố 4
1932		Tổ dân phố 5
1933		Tổ dân phố 6
1934		Tổ dân phố 7
1935		Tổ dân phố Tân Tự
1936		Tổ dân phố Tân Bình
1937		Tổ dân phố Tân Sơn
1938		Tổ dân phố Tân Hiệp
1939		Tổ dân phố Tân Hòa
1940		Tổ dân phố Tân Lập
1941		Tổ dân phố Tân Định
1942		Tổ dân phố Tân Phong
1943		Tổ dân phố Tân Hội
1944		Tổ dân phố Tư Lương
1945		Tổ dân phố Hiệp Phú
1946		Tổ dân phố Hiệp An
1947		Tổ dân phố An Sơn
1948		Tổ dân phố An Thuận
1949		Tổ dân phố Chí Công
1950		Tổ dân phố An Định

Ghi chú: Tổng cộng có 1.950 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 1.950 thôn, tổ dân phố, mỗi Tổ được bố trí 03 thành viên, gồm 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 01 Tổ viên.

Phụ lục II

**TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐƯỢC BỐ TRÍ
04 THÀNH VIÊN GỒM 01 TỔ TRƯỞNG, 01 TỔ PHÓ VÀ 02 TỔ VIÊN**

STT	Tên xã, phường	Tên thôn, tổ dân phố
1	Xã Ya Hội	Thôn An Hòa
2	Xã Xuân An	Thôn Kiều Đông
3		Thôn Tường Sơn
4		Thôn Xuân Quang
5		Thôn Liên Trì
6	Xã Vĩnh Quang	Thôn Định Quang
7		Thôn Định Xuân
8		Thôn Định Tổ
9		Thôn Định Thiên
10		Thôn Định Bình
11	Xã Vạn Đức	Thôn Năng An
12		Thôn Vạn Hội 1
13		Thôn Thế Thạnh 1
14		Thôn Thế Thạnh 2
15		Thôn Hội An
16		Thôn Phú Văn
17	Xã Vân Canh	Thôn Thịnh văn 1
18	Xã Uar	Thôn Huy Hoàng
19		Thôn Nu
20		Thôn Phùm
21		Thôn Thành Công
22		Thôn Suối Cẩm
23	Xã Tuy Phước Tây	Thôn An Sơn 1
24		Thôn An Hoà 1
25		Thôn Thanh Huy 1

26	Xã Tuy Phước Tây	Thôn Thanh Huy 2
27	Xã Tuy Phước Đông	Thôn Hữu Thành
28		Thôn Tân Giản
29		Thôn Dương Thiện
30		Thôn Mỹ Trung
31		Thôn Vinh Quang 1
32	Xã Tuy Phước Đông	Thôn Tư Cung
33	Xã Tuy Phước Bắc	Thôn Giang Nam
34		Thôn Tú Thủy
35	Xã Tuy Phước Bắc	Thôn Xuân Mỹ
36		Thôn Định Thiện Đông
37		Thôn Lộc Ngãi
38		Thôn Luật Bình
39		Thôn Tri Thiện
40		Thôn Văn Quang
41	Xã Tuy Phước	Thôn Thọ Nghĩa
42		Thôn Huỳnh Mai
43		Thôn Liêm Thuận
44		Thôn Vinh Thạnh 1
45		Thôn Vĩnh Hy
46		Thôn Hạnh Quang
47		Thôn Phú Mỹ 2
48		Thôn Quảng Tín
49		Thôn Trung Thành
50		Thôn Phong Thạnh
51	Xã Tây Sơn	Thôn 2
52		Thôn Thuận Nghĩa
53	Xã Sơn Lang	Thôn 2
54	Xã Pờ Tó	Thôn Voong Boong
55		Thôn 1

56		Thôn 4
57	Xã Phú Túc	Thôn 4
58		Thôn 5
59		Thôn 6
60		Thôn 9
61		Thôn 10
62		Thôn Thắng Lợi
63		Thôn Chính Hòa
64		Thôn Ia Rnho
65		Thôn Ia Prông
66	Xã Phú Thiện	Thôn 2
67		Thôn 3
68		Thôn 4
69		Thôn 5
70		Thôn 6
71		Thôn 7
72	Xã Phú Thiện	Thôn 8
73		Thôn 10
74		Thôn Ksing
75		Thôn Rbai
76	Xã Phù Mỹ Tây	Thôn An Lạc 2
77		Thôn Phước Thọ
78		Thôn Hội Phú
79		Thôn Trung Hội
80		Thôn Trà Lương
81	Xã Phù Mỹ Nam	Thôn Vạn Thiện
82		Thôn Đại Thuận
83		Thôn Trà Bình Đông
84		Thôn Bình Long
85	Xã Phù Mỹ Đông	Thôn 4

86		Thôn 10
87		Thôn 11
88		Thôn Xuân Bình
89		Thôn Xuân Thạnh Nam
90		Thôn Thuận Đạo
91		Thôn Cát Tường
92		Thôn Tân Phụng 2
93	Xã Phù Mỹ Bắc	Thôn Vạn An
94		Thôn Hoà Tân
95		Thôn Phú Thứ
96		Thôn Tân Phú
97		Thôn Vạn Phú
98		Thôn Vạn Định
99	Xã Phù Mỹ	Thôn An Lạc Đông 2
100		Thôn Bình Trị
101		Thôn Trung Thành 1
102	Xã Phù Cát	Thôn An Hành Tây
103		Thôn An Phong
104		Thôn An Khương
105		Thôn An Thọ
106		Thôn An Ninh
107		Thôn An Kim
108	Xã Phù Cát	Thôn Phú Nhơn
109		Thôn Tân Lệ
110	Xã Nhơn Châu	Thôn Tây
111	Xã Ngô Mỹ	Thôn Mỹ Long
112		Thôn Lộc Khánh
113		Thôn Phú Giáo
114		Thôn Long Hậu
115		Thôn Chánh Định

116		Thôn Phú Hậu
117	Xã Mang Yang	Thôn 1
118		Thôn 3
119		Thôn 1 (Kon Dong)
120		Thôn 3 (Kon Dong)
121		Thôn 4 (Kon Dong)
122		Thôn 6 (Kon Dong)
123		Thôn Tân Phú
124	Xã Lơ Pang	Thôn Chuk
125	Xã Kông Chro	Thôn 1
126		Thôn 2
127		Thôn Pyang
128		Thôn Hle Ktu
129	Xã Kông Bờ La	Thôn Nghĩa an 1
130		Thôn 12
131	Xã Kon Gang	Thôn 3 (Nam Yang)
132		Thôn 5 (Nam Yang)
133	Xã Kim Sơn	Thôn Nhơn Sơn
134		Thôn Phú Ninh
135	Xã Kdang	Thôn Hà Lòng 1
136		Thôn Hà Lòng 2
137		Thôn Bot Grek
138		Thôn Kol
139	Xã Kbang	Thôn 2
140		Thôn 5
141		Thôn 6
142		Thôn 7
143		Thôn 9
144		Thôn 10
145		Thôn 12

146	Xã Ia Tul	Thôn Jứ
147	Xã Ia Tôr	Thôn Phú Vinh
148	Xã Ia Rsai	Thôn Chư Jut
149	Xã Ia Rsai	Thôn Tơ Nia
150		Thôn Đoàn Kết
151		Thôn H' Lang
152	Xã Ia Pia	Thôn Tu 1
153	Xã Ia Pa	Thôn Chơ Ma
154		Thôn Ama Rin 2
155		Thôn Đăk Chá
156		Thôn Đoàn Kết
157		Thôn Kim Năng
158	Xã Ia O	Thôn Mít Kom II
159		Thôn Cúc
160		Thôn Kloong
161		Thôn Bi
162	Xã Ia Nan	Thôn Ia Chía
163		Thôn Ia Nhú
164		Thôn Đức Hưng
165		Thôn Nú
166		Thôn Tung
167		Thôn Sơn
168	Xã Ia Mơ	Thôn Klăh
169	Xã Ia Ly	Thôn 1
170		Thôn 2
171	Xã Ia Le	Thôn Thủy Phú A
172		Thôn Phú Bình
173		Thôn Phú An
174		Thôn Kênh Hmek
175		Thôn Cuối Lốp

176		Thôn Thiên An
177		Thôn Thủy Phú B
178		Thôn Phú Vinh
179		Thôn Lương Hà
180		Thôn Phú Hà
181	Xã Ia Lâu	Thôn Pác Pó
182		Thôn Đoàn Kết
183	Xã Ia Krêl	Thôn Đoàn Kết
184	Xã Ia Krêl	Thôn Nhẽ
185	Xã Ia Krái	Thôn 3 (Ia Krái)
186		Thôn 4 (Ia Tô)
187	Xã Ia Krái	Thôn 4 (Ia Krái)
188		Thôn Doch Ia Krót
189	Xã Ia Ko	Thôn 3
190		Thôn Tai Pêr
191	Xã Ia Hrug	Thôn Tân Lập
192		Thôn Tân An
193	Xã Ia Hrú	Thôn Rìng
194		Thôn Kueng XN
195		Thôn Tao Chor
196		Thôn Thôn Dư
197		Thôn Tung Neng
198		Thôn Tung Mo B
199	Xã Ia Grai	Thôn 6
200		Thôn 7
201	Xã Ia Dreh	Thôn Chờ Tung
202	Xã Ia Dom	Thôn Mook Trang
203		Thôn Mook Đen 1
204		Thôn Mook Đen 2
205		Thôn Bi

206	Xã Ia Dơk	Thôn Ia Tang
207		Thôn Sung Kép
208	Xã Ia Chia	Thôn Núi II
209		Thôn Beng
210		Thôn Kom Ngó
211		Thôn Bía Ngó
212	Xã Ia Băng	Thôn Hàm Rồng
213		Thôn O Đất
214		Thôn 5
215		Thôn Thông Lar
216		Thôn 6
217	Xã Hra	Thôn Nhơn Tân
218		Thôn phú danh
219		Thôn Phú Yên
220	Xã Hoài Ân	Thôn Gia Chiêu 1
221		Thôn Gò Cau
222		Thôn Đức Long
223		Thôn Vĩnh Hòa
224		Thôn Phú Thuận
225	Xã Hoài Ân	Thôn An Hòa
226		Thôn Lộc Giang
227	Xã Hòa Hội	Thôn Khánh Lộc
228		Thôn Tân Xuân
229		Thôn Tân Hóa Nam
230	Xã Đức Cơ	Tổ dân phố 2
231		Tổ dân phố 3
232		Tổ dân phố 6
233		Tổ dân phố 7
234	Xã Đê Gi	Thôn Xuân An
235		Thôn Phú Hiệp

236		Thôn Cảnh An
237		Thôn Chánh Danh
238		Thôn Thái Thuận
239		Thôn Tul Đoa
240	Xã Đak Somei	Thôn Pral Somei
241		Thôn Đê Gõh
242	Xã Đak Pơ	Thôn 1
243		Thôn 8
244		Thôn 4
245		Thôn 5
246		Thôn 8
247		Thôn 4
248	Xã Đak Đoa	Thôn 5
249		Thôn Hlâm
250		Thôn 1 (Tân Bình)
251		Thôn 2 (Tân Bình)
252		Thôn 3 (Tân Bình)
253		Thôn Tú Thủy 1
254	Xã Cửu An	Thôn Tú Thủy 2
255		Thôn Cửu Đạo
256		Thôn An Điền Nam
257		Thôn 2
258		Thôn 4
259	Xã Chư Sê	Thôn 6
260		Thôn 7
261		Thôn 8
262		Thôn 9
263		Thôn 12
264	Xã Chư Sê	Thôn Hồ Nước
265		Thôn Tốt Bióch

266		Thôn Bầu Zút
267		Thôn Mỹ Thạch 1
268		Thôn Mỹ Phú
269		Thôn Vinh Hà
270		Thôn Tok Roh
271		Thôn Tào Roòng
272		Thôn Đoàn Kết
273		Thôn Phú Cường
274		Thôn Chư Bô 2
275		Thôn Thơ Ga A
276	Xã Chư Puh	Thôn Hrai Dong
277		Thôn Hòa Tín
278		Thôn Hòa Bình
279		Thôn 1
280		Thôn 2
281		Thôn 3
282	Xã Chư Prông	Thôn 4
283		Thôn Hợp Hòa
284		Thôn Hợp Thắng
285		Thôn Hoàng Yên
286		Tổ dân phố 3 (Phú Hòa)
287		Thôn 2 (Hòa Phú)
288	Xã Chư Păh	Thôn 3 (Hòa Phú)
289		Thôn 4 (Hòa Phú)
290		Thôn Vĩnh Hội
291		Thôn Tân Thắng
292	Xã Cát Tiên	Thôn Chánh Hoá
293		Thôn Phú Trung
294		Thôn Tân Vinh
295	Xã Canh Vinh	Thôn Hiệp Vinh 2

296		Thôn An Long 2
297		Thôn An Long 1
298	Xã Canh Vinh	Thôn Bình Long
299		Thôn Tân Quang
300	Xã Bình Phú	Thôn Phú Thịnh
301	Xã Bình Hiệp	Thôn Mỹ Thạch
302		Thôn Thuận Hòa
303		Thôn Thuận Hạnh
304		Thôn Thuận Hiệp
305		Thôn Đại Chí
306		Thôn Hữu Giang
307		Thôn Tả Giang 1
308	Xã Bình Dương	Thôn Dương Liễu Nam
309		Thôn Chánh Khoan Tây
310		Thôn Chánh Khoan Nam
311		Thôn Vĩnh Bình
312	Xã Bình An	Thôn Trường Định 1
313		Thôn Vân Tường
314		Thôn Mỹ Thuận
315		Thôn An Vinh 1
316		Thôn Bình Đức
317	Xã Biển Hồ	Thôn 2
318		Thôn 3
319		Thôn 4
320		Thôn Tiên Sơn 2
321		Thôn 9
322	Xã Bàu Cạn	Thôn 4
323		Thôn Bình An
324		Thôn Ia Mua
325	Xã Ayun	Thôn Kon Brung

326	Xã Ân Tường	Thôn Hà Đông
327		Thôn Liên Hội
328		Thôn Phú Hữu 2
329		Thôn Tân Thạnh
330	Xã An Nhơn Tây	Thôn Cù Lâm
331		Thôn Tân Lập
332		Thôn Nam Tượng 2
333		Thôn Nam Tượng 3
334	Xã An Lương	Thôn Thọ Tân Bắc
335		Thôn Hiệp An
336		Thôn Vĩnh Lợi 1
337		Thôn Vĩnh Lợi 3
338	Xã An Lão	Thôn Trinh Long Khánh
339		Thôn Hưng Nhơn Bắc
340		Thôn Thanh Sơn
341		Thôn Vạn Long
342	Xã Ân Hảo	Thôn Vạn Khánh
343		Thôn Bình Hòa Bắc
344		Thôn Hội Long
345		Thôn Tân Xuân
346	Xã Ân Hảo	Thôn Vạn Trung
347		Tổ dân phố 1 (Thống Nhất)
348		Tổ dân phố 2 (Thống Nhất)
349		Tổ dân phố 4 (Thống Nhất)
350	Phường Thống Nhất	Tổ dân phố 1 (Đồng Đa)
351		Tổ dân phố 3 (Đồng Đa)
352		Tổ dân phố 3 (Yên Thế)
353		Tổ dân phố 4 (Yên Thế)
354	Phường Tam Quan	Tổ dân phố 5 (Yên Thế)
355		Tổ dân phố An Quý Bắc

356		Tổ dân phố An Sơn
357	Phường Quy Nhơn Tây	Tổ dân phố 1
358		Tổ dân phố 2
359		Tổ dân phố 4
360		Tổ dân phố 5
361		Tổ dân phố Mỹ Lợi
362	Phường Quy Nhơn Nam	Tổ dân phố 1
363		Tổ dân phố 4
364		Tổ dân phố 12
365		Tổ dân phố 13
366		Tổ dân phố 17
367		Tổ dân phố 23
368	Phường Quy Nhơn Đông	Tổ dân phố 24
369		Tổ dân phố 6
370		Tổ dân phố 7
371		Tổ dân phố Hải Nam
372		Tổ dân phố Lý Hưng
373		Tổ dân phố Lý Chánh
374	Phường Quy Nhơn Đông	Tổ dân phố Lý Hoà
375	Phường Quy Nhơn Bắc	Tổ dân phố 4
376		Tổ dân phố 14
377	Phường Quy Nhơn Bắc	Tổ dân phố 16
378	Phường Quy Nhơn	Tổ dân phố 2
379		Tổ dân phố 3
380		Tổ dân phố 5
381		Tổ dân phố 9
382		Tổ dân phố 23
383		Tổ dân phố 29
384		Tổ dân phố 38
385		Tổ dân phố 39

386		Tổ dân phố 43
387		Tổ dân phố 48
388		Tổ dân phố 54
389		Tổ dân phố 56
390		Tổ dân phố 63
391	Phường Pleiku	Tổ dân phố 1 (Hoa Lư)
392		Tổ dân phố 2 (Hoa Lư)
393		Tổ dân phố 5 (Hoa Lư)
394		Tổ dân phố 11 (Hoa Lư)
395		Tổ dân phố 2 (Hội Thương)
396		Tổ dân phố 5 (Tây Sơn)
397		Tổ dân phố 2 (Tây Sơn)
398		Tổ dân phố 3 (Phù Đồng)
399		Tổ dân phố 4 (Phù Đồng)
400		Tổ dân phố 6 (Phù Đồng)
401	Phường Hội Phú	Tổ dân phố 4 (Chi Lăng)
402		Tổ dân phố 2 (Trà Bá)
403		Tổ dân phố 2 (Hội Phú)
404		Tổ dân phố 3 (Hội Phú)
405		Tổ dân phố 4 (Hội Phú)
406		Tổ dân phố 5 (Hội Phú)
407	Phường Hoài Nhơn Tây	Tổ dân phố Tân Thạnh 1
408		Tổ dân phố Phụng Du 1
409		Tổ dân phố Phụng Du 2
410		Tổ dân phố Hội Phú
411	Phường Hoài Nhơn Nam	Tổ dân phố Đệ Đức 2
412	Phường Hoài Nhơn Nam	Tổ dân phố An Dương 1
413		Tổ dân phố Giao Hội 1
414	Phường Hoài Nhơn Đông	Tổ dân phố Thạnh Xuân
415	Phường Hoài Nhơn Đông	Tổ dân phố Ca Công

416		Tổ dân phố Thiện Đức
417		Tổ dân phố Lộ Diêu
418		Tổ dân phố Định Công
419		Tổ dân phố Thiện Chánh 1
420		Tổ dân phố Tân Thành 1
421	Phường Hoài Nhơn Bắc	Tổ dân phố Gia An Nam
422		Tổ dân phố Tuy An
423		Tổ dân phố Gia An Đông
424		Tổ dân phố Quy Thuận
425		Tổ dân phố Trung Hóa
426	Phường Hoài Nhơn	Tổ dân phố Tăng Long 2
427		Tổ dân phố Cửu Lợi Nam
428		Tổ dân phố Cửu Lợi Đông
429		Tổ dân phố 7 (Diên Hồng)
430		Tổ dân phố 4 (Ia Kring)
431	Phường Diên Hồng	Tổ dân phố 5 (Ia Kring)
432		Tổ dân phố 6 (Ia Kring)
433		Tổ dân phố 10 (Ia Kring)
434		Tổ dân phố 1
435		Tổ dân phố 5
436		Tổ dân phố Trung Lương
437	Phường Bồng sơn	Tổ dân phố Thiết Đỉnh Bắc
438		Tổ dân phố Thiết Đỉnh Nam
439		Tổ dân phố Bình Chương Nam
440		Tổ dân phố Bình Chương
441		Tổ dân phố Lại Khánh Tây
442		Tổ dân phố Nhơn Nghĩa Tây
443	Phường Bình Định	Tổ dân phố Khánh Hoà
444		Tổ dân phố Hiếu An
445		Tổ dân phố Trần Phú

446		Tổ dân phố Vĩnh Liêm
447		Tổ dân phố Nguyễn Thị Minh Khai
448		Tổ dân phố Mai Xuân Thưởng
449	Phường An Phú	Tổ dân phố 1
450		Tổ dân phố 5
451	Phường An Phú	Tổ dân phố Mơ Nù
452	Phường An Nhơn Nam	Tổ dân phố Ngọc Thanh
453		Tổ dân phố Hòa Nghi
454	Phường An Nhơn Nam	Tổ dân phố Long Quang
455		Tổ dân phố An Ngãi
456		Tổ dân phố Phò An
457		Tổ dân phố Tiên Hoà
458	Phường An Nhơn Đông	Tổ dân phố Hoà Cư
459		Tổ dân phố Háo Đức
460		Tổ dân phố Tân Dương
461		Tổ dân phố Lộc Thuận
462	Phường An Nhơn Bắc	Tổ dân phố Liêm Định
463		Tổ dân phố Trung Lý
464		Tổ dân phố Đông Phương Danh
465		Tổ dân phố Bắc Phương Danh
466		Tổ dân phố Tây Phương Danh
467	Phường An Nhơn	Tổ dân phố Nam Tân
468		Tổ dân phố Bắc Nhạn Tháp
469		Tổ dân phố Thanh Danh
470		Tổ dân phố Tân Đức
471	Phường An Khê	Tổ dân phố 6 (Tây Sơn)

Ghi chú: Tổng cộng có 471 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 471 thôn, tổ dân phố, mỗi Tổ được bố trí 04 thành viên, gồm 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 02 Tổ viên.

Phụ lục III

**TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐƯỢC BỐ TRÍ
05 THÀNH VIÊN GỒM 01 TỔ TRƯỞNG, 01 TỔ PHÓ VÀ 03 TỔ VIÊN**

STT	Tên xã, phường	Tên thôn, tổ dân phố
1	Xã Xuân An	Thôn Chánh Liêm
2		Thôn Xuân An
3		Thôn Chánh Nhơn
4		Thôn Chánh Mẫn
5	Xã Tuy Phước Tây	Thôn An Sơn 2
6		Thôn An Hoà 2
7		Thôn Ngọc Thạnh 1
8		Thôn Ngọc Thạnh 2
9		Thôn Qui Hội
10		Thôn Đại Hội
11		Thôn Bình An 1
12		Thôn Bình An 2
13		Thôn Cảnh An 2
14	Xã Tuy Phước Đông	Thôn Bình Lâm
15		Thôn Kim Tây
16		Thôn Tùng Giản
17		Thôn Kỳ Sơn
18		Thôn Lộc Thượng
19		Thôn Mỹ Cang
20		Thôn Xuân Phương
21		Thôn Lạc Điền
22	Xã Tuy Phước Bắc	Thôn Đại Lễ
23		Thôn Giang Bắc
24		Thôn Luật Chánh
25		Thôn Lục Lễ
26		Thôn Tuân Lễ

27		Thôn An Cửu
28		Thôn Háo Lễ
29		Thôn Nho Lâm
30		Thôn Định Thiện Tây
31	Xã Tuy Phước	Thôn Hưng Nghĩa
32		Thôn Tân Thuận
33		Thôn Diêm Vân
34		Thôn Lộc Hạ
35	Xã Tuy Phước	Thôn Phổ Trạch
36		Thôn Quảng Vân
37		Thôn Phú Mỹ 1
38		Thôn Đại Tín
39		Thôn Diêu Trì
40		Thôn Luật Lễ
41		Thôn Trung Tín 2
42		Thôn Mỹ Điền
43		Thôn Công Chánh
44		Thôn Thanh Lương
45		Thôn Vĩnh Đức
46		Thôn Vạn Hội 2
47		Thôn An Thường 2
48	Xã Tây Sơn	Thôn 1
49		Thôn 3
50		Thôn 4
51		Thôn 5
52		Thôn 1A
53		Thôn Hòa Lạc
54		Thôn Phú Văn
55		Thôn 1
56		Thôn 2

57		Thôn 3
58		Thôn Lai Nghi
59		Thôn Thủ Thiện Hạ
60		Thôn Thủ Thiện Thượng
61		Thôn Phú Hòa
62	Xã Phú Thiện	Thôn 1
63		Thôn 12
64	Xã Phù Mỹ Nam	Thôn An Trinh
65	Xã Phù Mỹ Đông	Thôn 8 Tây
66		Thôn 9
67		Thôn Xuân Thạnh
68		Thôn Chánh Trực
69		Thôn Tân Phụng 1
70	Xã Phù Mỹ	Thôn Diêm Tiêu
71		Thôn Trà Quang
72		Thôn Trà Quang Nam
73	Xã Phù Mỹ	Thôn An Lạc Đông 1
74	Xã Phù Cát	Thôn An Đức
75		Thôn Kiều Huyền
76		Thôn Bình Đức
77		Thôn Tân Hòa
78		Thôn Kiều An
79	Xã Ngô Mỹ	Thôn Hưng Mỹ 1
80		Thôn Vĩnh Phú
81		Thôn Chánh Hội
82	Xã Mang Yang	Thôn Đê Kóp Duol
83	Xã Kông Chro	Thôn Nghe
84	Xã Kon Gang	Thôn 1 (Nam Yang)
85	Xã Kim Sơn	Thôn Kim Sơn
86	Xã KDang	Thôn Cầu Vàng

87	Xã Ia Púch	Thôn Gòong
88	Xã Ia Pnôn	Thôn Chan
89		Thôn Bua
90	Xã Ia Pa	Thôn Blôm
91	Xã Ia O	Thôn Lân
92		Thôn Mít Jép
93		Thôn Dăng
94	Xã Ia Krái	Thôn 3 (Ia Tô)
95	Xã Ia Ko	Thôn 1
96		Thôn 2
97	Xã Ia Dom	Thôn Ia Mút
98		Thôn Mook Trêl
99	Xã Ia Chia	Thôn Lang
100	Xã Hội Sơn	Thôn Hội Sơn
101		Thôn Thạch Bàn Tây
102		Thôn Thuận Phong
103		Thôn Đại Khoang
104	Xã Hoài Ân	Thôn Gia Chiểu 2
105		Thôn Thanh Tú
106		Thôn Gia Trị
107		Thôn Gia Đức
108		Thôn Khoa Trường
109		Thôn An Chiểu
110		Thôn An Hậu
111		Thôn Hòa Hội
112	Xã Hòa Hội	Thôn Mỹ Hóa
113		Thôn Vĩnh Trường
114		Thôn Hội Vân
115		Thôn Tùng Chánh
116	Xã Đức Cơ	Tổ dân phố 1

117	Xã Đề Gi	Thôn An Quang Đông
118		Thôn Chánh Lợi
119		Thôn An Quang Tây
120		Thôn Ngãi An
121		Thôn Thắng Kiên
122		Thôn Đức Phổ 1
123		Thôn Trung An
124		Thôn Trung Chánh
125		Thôn Gia Thạnh
126	Xã Đak Pơ	Thôn 2
127	Xã Đak Đoa	Thôn 2
128		Thôn Piom
129		Thôn Ngol
130	Xã Chư Sê	Thôn 1
131		Thôn 3
132		Thôn 5
133		Thôn Dun Bêu
134		Thôn Kê
135	Xã Cát Tiến	Thôn Phương Phi
136		Thôn Phú Hậu
137		Thôn Tân Thanh
138		Thôn Chánh Oai
139		Thôn Chánh Thiện
140		Thôn Hoá Lạc
141	Xã Canh Vinh	Thôn Hiệp Vinh 1
142	Xã Bình Phú	Thôn Hòa Trung
143		Thôn Phú Hiệp
144		Thôn Phú Thọ
145		Thôn Phú Mỹ
146	Xã Bình Khê	Thôn Thượng Sơn

147		Thôn Tiên Thuận
148		Thôn Thượng Giang 1
149		Thôn Thượng Giang 2
150	Xã Bình Khê	Thôn Nam Giang
151		Thôn Tả Giang 2
152		Thôn Phú Hưng
153	Xã Bình Hiệp	Thôn Thuận Truyền
154		Thôn Thuận Nhứt
155		Thôn Trà Sơn
156	Xã Bình Dương	Thôn Dương Liễu Tây
157		Thôn An Đông
158		Thôn Kiên Long
159		Thôn Kiên Ngãi
160	Xã Bình An	Thôn Phú Lạc
161		Thôn Trường Định 2
162		Thôn Mỹ An
163		Thôn An Chánh
164		Thôn Nhơn Thuận
165		Thôn 1
166	Xã Bàu Cạn	Thôn Tân Lạc
167		Thôn Thanh Bình
168		Thôn An Thành
169		Thôn Đông Lâm
170	Xã An Nhơn Tây	Thôn Nam Tượng 1
171		Thôn Phú Khương
172		Thôn Phú Hữu 1
173		Thôn Vĩnh Lợi 2
174	Xã An Lương	Thôn Chánh Hội
175		Thôn An Mỹ
176	Xã An Hòa	Thôn Long Hòa

177		Thôn Xuân Phong Bắc
178		Thôn Xuân Phong Nam
179	Xã Ân Hảo	Thôn Mỹ Thành
180		Thôn Long Mỹ
181	Phường Thống Nhất	Tổ dân phố 01 (Yên Thế)
182		Tổ dân phố 06 (Yên Thế)
183	Phường Quy Nhơn Tây	Tổ dân phố 7
184	Phường Quy Nhơn Tây	Tổ dân phố Thanh Long
185	Phường Quy Nhơn Nam	Tổ dân phố 2
186		Tổ dân phố 7
187	Phường Quy Nhơn Nam	Tổ dân phố 8
188		Tổ dân phố 11
189		Tổ dân phố 16
190		Tổ dân phố 22
191		Tổ dân phố 25
192		Tổ dân phố 27
193		Tổ dân phố 29
194		Tổ dân phố 30
195		Tổ dân phố 33
196	Phường Quy Nhơn Đông	Tổ dân phố 2
197		Tổ dân phố 3
198		Tổ dân phố 4
199		Tổ dân phố 9
200		Tổ dân phố Nhơn Phước
201	Phường Quy Nhơn Bắc	Tổ dân phố 3
202		Tổ dân phố 6
203		Tổ dân phố 7
204		Tổ dân phố 8
205		Tổ dân phố 9
206		Tổ dân phố 10

207		Tổ dân phố 11
208		Tổ dân phố 12
209		Tổ dân phố 15
210	Phường Quy Nhơn	Tổ dân phố 10
211		Tổ dân phố 30
212		Tổ dân phố 33
213		Tổ dân phố 34
214		Tổ dân phố 35
215		Tổ dân phố 36
216		Tổ dân phố 40
217		Tổ dân phố 50
218		Tổ dân phố 51
219		Tổ dân phố 52
220		Tổ dân phố 53
221		Tổ dân phố 55
222	Phường Quy Nhơn	Tổ dân phố 57
223		Tổ dân phố 58
224		Tổ dân phố 62
225	Phường Pleiku	Tổ dân phố 10 (Phù Đồng)
226	Phường Hoài Nhơn Nam	Tổ dân phố Đệ Đức 1
227		Tổ dân phố Đệ Đức 3
228		Tổ dân phố An Dưỡng 2
229		Tổ dân phố Giao Hội 2
230		Tổ dân phố Tấn Thạnh 2
231	Phường Diên Hồng	Tổ dân phố 7 (Ia Kring)
232	Phường Bình Định	Tổ dân phố An Thái
233		Tổ dân phố An Hoà
234		Tổ dân phố Quan Quang
235		Tổ dân phố Liêm Trục
236	Phường An Nhơn Nam	Tổ dân phố Thọ Lộc 1

237		Tổ dân phố Thọ Lộc 2
238		Tổ dân phố Đông Bình
239		Tổ dân phố Trung Ái
240		Tổ dân phố An Lộc
241		Tổ dân phố Huỳnh Kim
242		Tổ dân phố Tân Hòa
243	Phường An Nhơn Đông	Tổ dân phố Cẩm Văn
244		Tổ dân phố Tân Dân
245	Phường An Nhơn Bắc	Tổ dân phố Tiên Hội
246		Tổ dân phố Phú Thành
247	Phường An Nhơn	Tổ dân phố Nam Phương Danh
248		Tổ dân phố Bằng Châu
249		Tổ dân phố Bả Canh
250		Tổ dân phố Vân Sơn

Ghi chú: Tổng cộng có 250 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 250 thôn, tổ dân phố, mỗi Tổ được bố trí 05 thành viên, gồm 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 03 Tổ viên.

Phụ lục IV

**TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐƯỢC BỐ TRÍ
06 THÀNH VIÊN GỒM 01 TỔ TRƯỞNG, 01 TỔ PHÓ VÀ 04 TỔ VIÊN**

STT	Tên xã, phường	Tên thôn, tổ dân phố
1	Xã Xuân An	Thôn Phú Gia
2	Xã Tuy Phước Tây	Thôn Cảnh An 1
3	Xã Tuy Phước Đông	Thôn Phụng Sơn
4		Thôn Vinh Quang 2
5	Xã Tuy Phước Bắc	Thôn Quảng Nghiệp
6	Xã Tuy Phước	Thôn Nhân Ân
7		Thôn Vân Hội 1
8		Thôn Vân Hội 2
9		Thôn Trung Tín 1
10	Xã Tây Sơn	Thôn Phú Xuân
11		Thôn Phú An
12	Xã Phù Cát	Thôn Phú Kim
13		Thôn Phong An
14		Thôn Hòa Đồng
15	Xã Hòa Hội	Thôn Thôn Hòa Đại
16	Xã Cát Tiến	Thôn Trung Lương
17	Xã Bình Phú	Thôn Hòa Sơn
18		Thôn Hòa Hiệp
19	Phường Quy Nhơn Nam	Tổ dân phố 26
20	Phường Quy Nhơn Đông	Tổ dân phố 1
21	Phường Quy Nhơn Bắc	Tổ dân phố 5
22	Phường Bình Định	Tổ dân phố Kim Châu

Ghi chú: Tổng cộng có 22 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở 22 thôn, tổ dân phố, mỗi Tổ được bố trí 06 thành viên, gồm 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 04 Tổ viên.

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng 10 năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH SỐ LƯỢNG TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ CÁN THÀNH LẬP; SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN TỔ BẢO VỆ Ồ THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI THAY THẾ QUYẾT ĐỊNH SỐ 19/2024/QĐ-UBND NGÀY 12/6/2024 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/2025/QĐ-UBND NGÀY 29/4/2025 CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 37/2024/QĐ-UBND NGÀY 19/7/2024 CỦA UBND TỈNH GIA LAI

THUYẾT MINH		
QUYẾT ĐỊNH SỐ 19/2024/QĐ-UBND NGÀY 12/6/2024 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 36/2025/QĐ-UBND NGÀY 29/4/2025 CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH; QUYẾT ĐỊNH SỐ 37/2024/QĐ-UBND NGÀY 19/7/2024 CỦA UBND TỈNH GIA LAI	DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH SỐ LƯỢNG TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ CÁN THÀNH LẬP; SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN TỔ BẢO VỆ Ồ THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI	Kế thừa, giữ nguyên quy định “phạm vi điều chỉnh”, “đối tượng áp dụng” của Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh Gia Lai.
Điều 1, Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh Gia Lai. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	
Khoản 1 Điều 1,	Điều 2. Số lượng Tổ bảo	- Trích yếu Điều giống nhau một phần.

Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024; Điều 2, Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh Gia Lai;	Về an ninh, trật tự cần thành lập	- Nội dung: Kế thừa, giữ nguyên quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập và quy định số lượng Tổ theo tổng số lượng thôn, tổ dân phố của 2 quyết định hiện hành (2.693 thôn, tổ dân phố).
Khoản 2 Điều 1, Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 và Điều 1, Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Bình Định; Điều 3 Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh Gia Lai	Điều 3. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	- Trích yếu Điều giống nhau một phần. - Kế thừa sử dụng cụm từ “Quy mô hộ gia đình” làm tiêu chí quy định số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. - Thay đổi “Quy mô hộ gia đình” tăng lên để quy định số lượng thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Lý do, bảo đảm không tăng số lượng thành viên tổ bảo vệ ANTT trên toàn tỉnh; trong khi quy mô hộ gia đình trên địa bàn tỉnh có tăng so với thời điểm ban hành các Quyết định hiện hành.
Điều 2, 3, 4 Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 và Điều 2, 3 Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 29/4/2025; Điều 4 Quyết định số 19	Điều 4. Điều khoản thi hành	- Kế thừa quy định giữ nguyên trích yếu Điều theo Quyết định số 37. - Thay đổi thời gian có hiệu lực của Quyết định. - Thay đổi các văn bản bị thay thế: Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 về số lượng tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Bình Định về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 về số

**Điều khoản thi hành;
Điều 4, Quyết định số
37/2024/QĐ-UBND
ngày 19/7/2024 của
UBND tỉnh Gia Lai**

lượng tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự cần thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.